

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các Doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với Doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính...

Để đạt được điều đó, mỗi doanh nghiệp cần luôn hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Vũ Long em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại Công ty TNHH TM Vũ Long**".

## 2. Mục tiêu của đề tài

- Khái quát lại các kiến thức cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Mô tả chi tiết thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Vũ Long.
- Đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại công ty TNHH TM Vũ Long.

## 3. Kết cấu đề tài

**Chương 1:** *Lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*

**Chương 2:** *Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Vũ Long.*

**Chương 3:** Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại công ty TNHH TM Vũ Long.

#### **4. Phương pháp và thiết bị nghiên cứu**

- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp liên hệ
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu

Các kỹ thuật, nghiệp vụ cơ bản sử dụng trong kế toán quản trị: thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được, trình bày thông tin dưới dạng phương trình, mô hình và đồ thị.

#### **5. Khả năng triển khai ứng dụng**

Áp dụng cho việc mở rộng mạng lưới tiêu thụ, tăng lợi nhuận tại Công ty TNHH TM Vũ Long.

#### **6. Dự kiến đóng góp của đề tài**

- Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

Là tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành kế toán và quản trị phục vụ cho các môn học như: kế toán tài chính, kế toán quản trị, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh...

- Những đóng góp liên quan đến DN:

Mô tả được thực trạng doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Vũ Long.

Những biện pháp đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác quản lý, mở rộng mạng lưới tiêu thụ nói riêng.

# CHƯƠNG 1

## LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

**1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

**1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh áp dụng theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**

**1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu**

- + Doanh thu:** là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.
- + Doanh thu hoạt động tài chính:** là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính như doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.
- + Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.
- + Các khoản giảm trừ doanh thu:** Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động tài kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong Tài khoản 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, Giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán:
  - **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
  - **Giá trị hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.
- + **Thuế xuất khẩu:** Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.
- + **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.
- + **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

#### + **Tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu**

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC:

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

#### **1.1.1.2. Khái niệm về chi phí**

- + **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.
  - Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.
  - Đối với hàng hoá tiêu thụ, GVHB bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

+ **Chi phí tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán..., Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

+ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng:** là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

+ **Chi phí khác:** Phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

### ***1.1.1.3. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh***

**Xác định kết quả kinh doanh:** Xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

**1. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

**2. Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

**3. Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **+ Công thức xác định lợi nhuận của DN:**

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} &= \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN} \\ \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác} \\ \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} &= \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN} \\ \text{Lợi nhuận HĐTC} &= \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí tài chính} \\ \text{Lợi nhuận khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \end{aligned}$$

#### **1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

### 1.1.3. Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp

#### 1.1.3.1 Các phương thức bán hàng

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

**Bán buôn:** Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

**Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho:** là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

**Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng:** là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

**Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

- **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển

đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức bán hàng qua đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.
- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.
- **Phương thức trao đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.
- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng 1 tổng công ty, 1 tập đoàn, 1 xí nghiệp...

### ***1.1.3.2. Các phương thức thanh toán***

Việc tiêu thụ hàng hoá nhất thiết được thanh toán với người mua, bởi vì chỉ khi nào doanh nghiệp thu nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc sự chấp nhận trả tiền của khách hàng thì việc tiêu thụ mới được phép ghi nhận trên sổ sách kế toán. Việc thanh toán với người mua về hàng hoá bán ra được thực hiện bằng: Phương thức trả ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, trả chậm trả góp.

## **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

### **1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

#### ***1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ***

#### **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (đối với Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### **✚ Tài khoản sử dụng**

### **TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

Các TK cấp 2:

TK 5111 - *Doanh thu bán hàng hóa*

TK 5112 - *Doanh thu bán các thành phẩm*

TK 5113 - *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

TK 5118 - *Doanh thu khác*

#### **✚ Kết cấu tài khoản**

### **Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ</li> <li>- Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

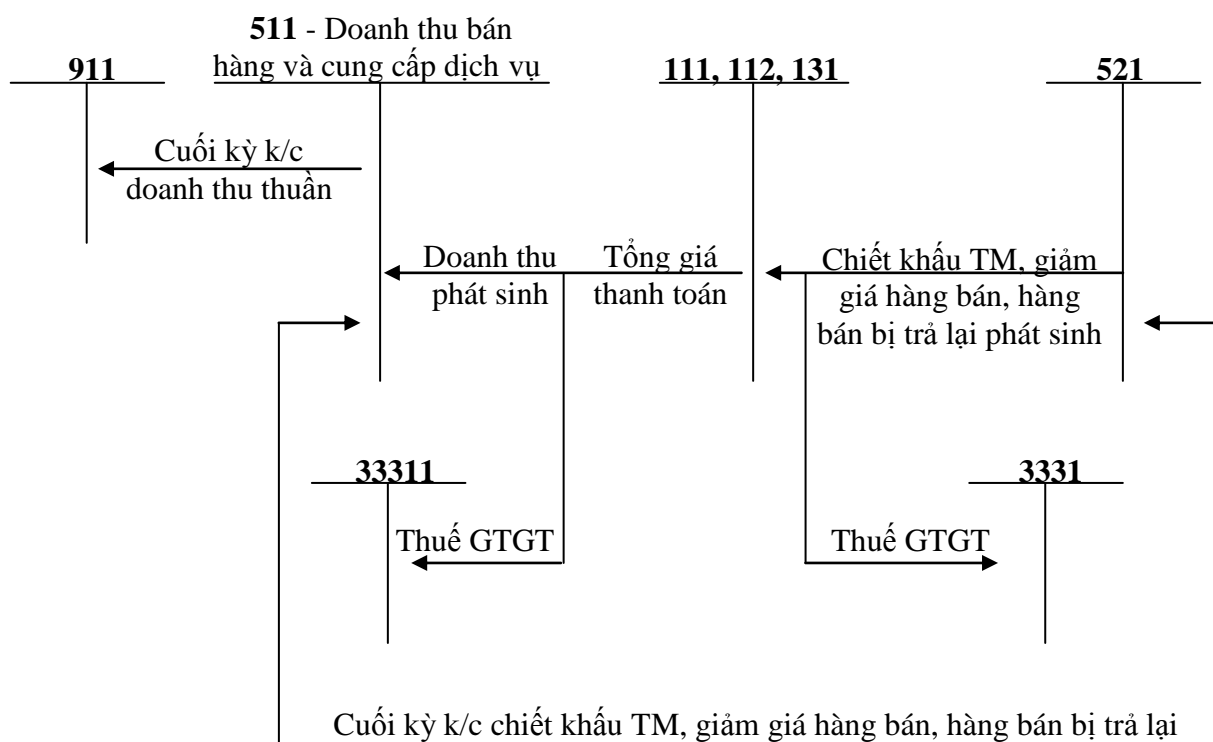
*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

#### **✚ Sơ đồ hạch toán:**

**Phương pháp gián tiếp:** Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

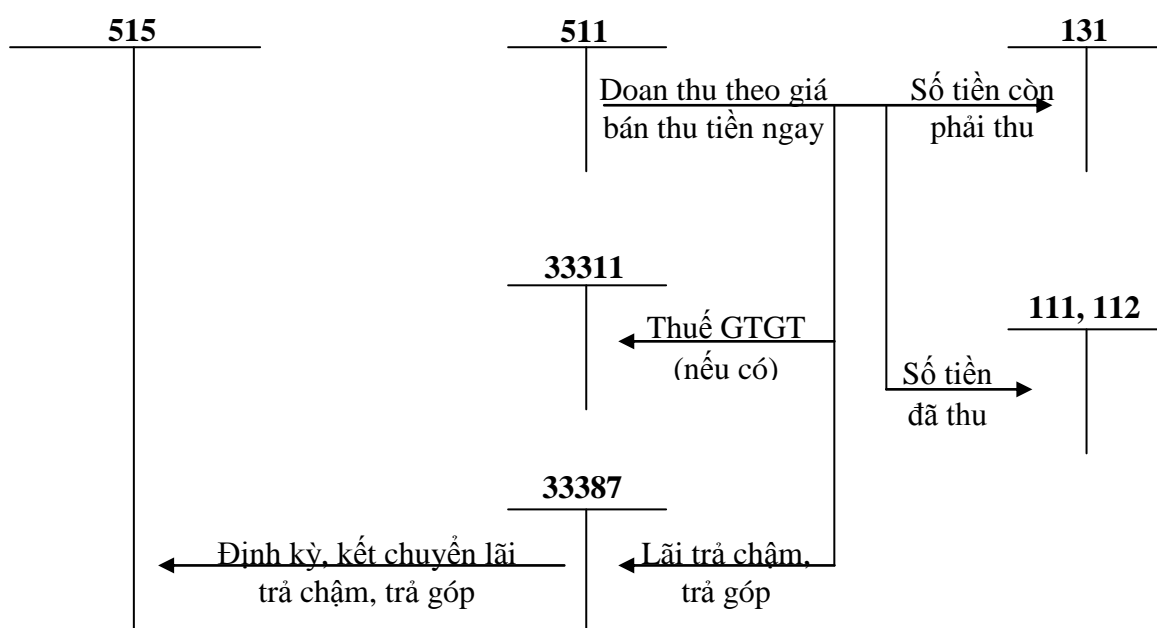
**Sơ đồ 1.1:**

**Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



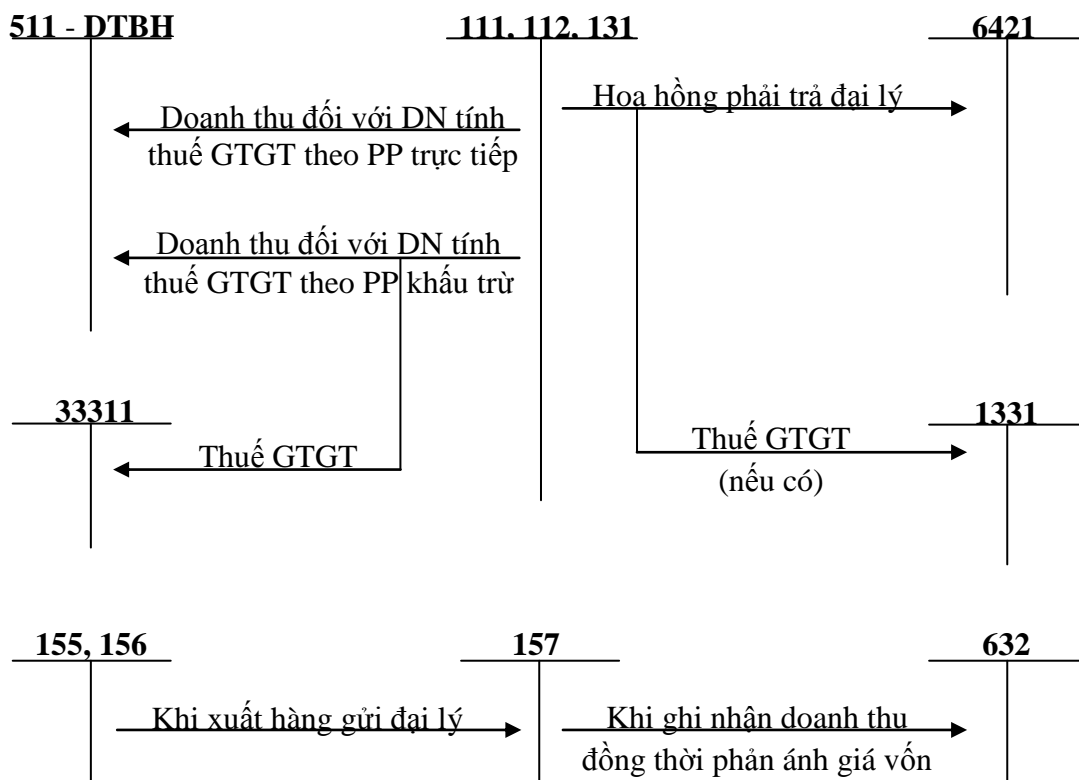
**Sơ đồ 1.2:**

**Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp  
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



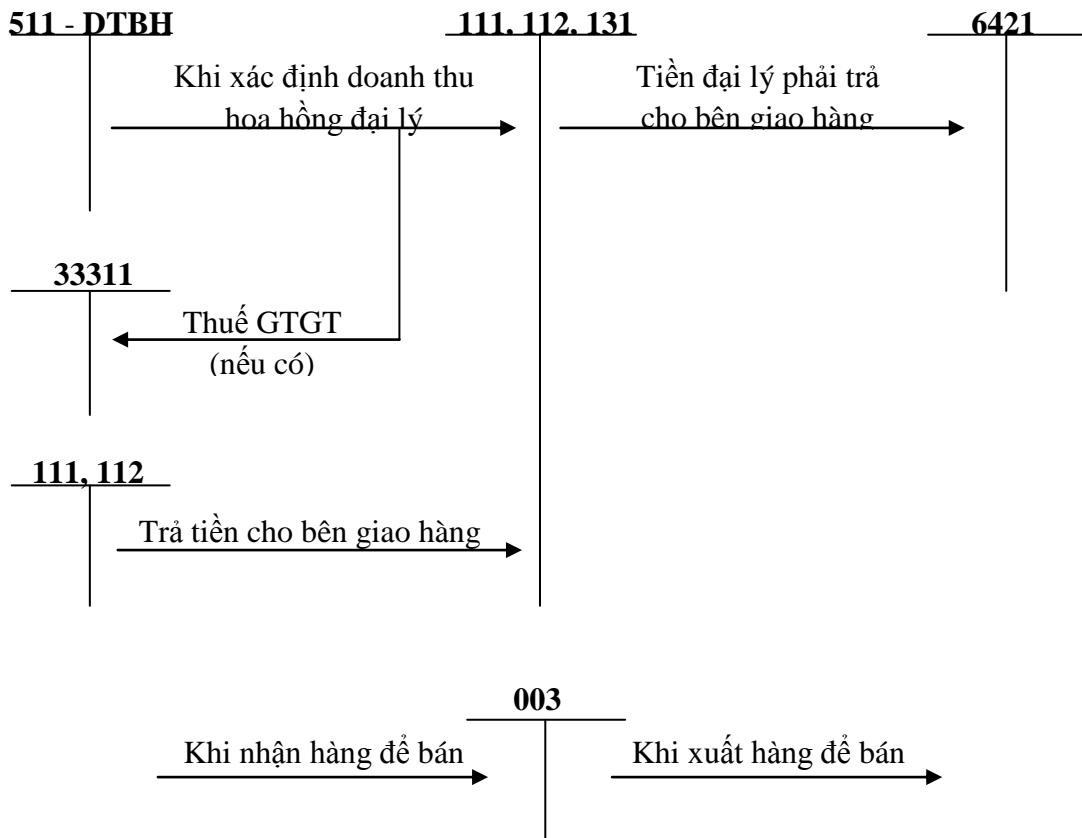
Sơ đồ 1.3:

**Kế toán doanh thu bán hàng đại lý**  
**Phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng**  
**(Đối với bên giao đại lý)**  
**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



**Sơ đồ 1.4:**

**Kế toán doanh thu bán hàng**  
**Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng**  
**(Đối với bên nhận đại lý)**  
**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



### 1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

#### ✚ Chứng từ kế toán

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Chứng từ khác có liên quan

#### ✚ Tài khoản sử dụng:

##### **TK 521 "Các khoản giảm trừ doanh thu"**

Các TK cấp 2:

TK 5211 - *Chiết khấu thương mại*

TK 5212 - *Hàng bán bị trả lại*

TK 5213 - *Giảm giá hàng bán*

**Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:** Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

**Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:** Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

**Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:** Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

#### ✚ Kết cấu tài khoản:

##### **Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”**

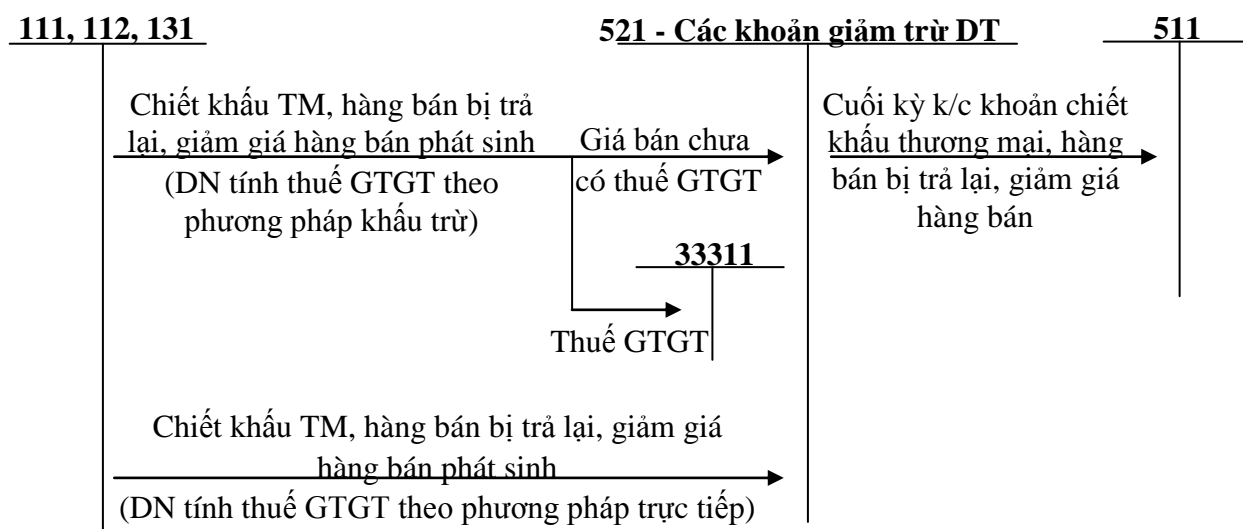
- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra;	- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.	
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ hạch toán:**

**Sơ đồ 1.5:**

**Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại  
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



**1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

**Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu kế toán

**Tài khoản sử dụng: TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"**

**Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”**

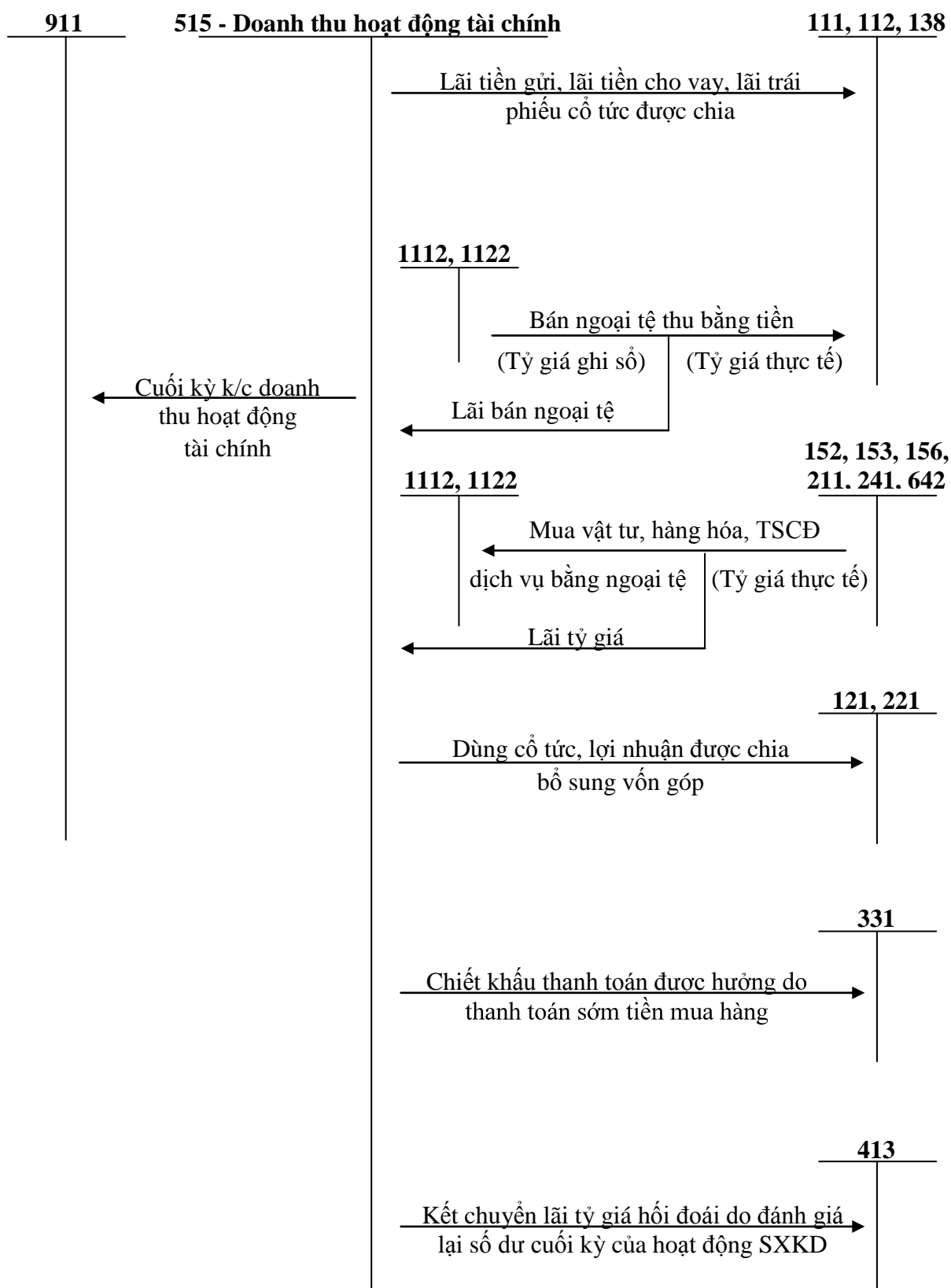
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh"</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi</li> <li>- Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản</li> <li>- Chênh lệch về do bán ngoại tệ</li> <li>- Thu nhập về hoạt động đầu tư CK</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

**Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.6:

**Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**  
**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



#### 1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác

##### Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

##### Tài khoản sử dụng:

**TK 711 "Thu nhập khác"**

##### Kết cấu tài khoản

#### **Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;</li><li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</li><li>- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.</li><li>- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.</li><li>- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.</li><li>- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

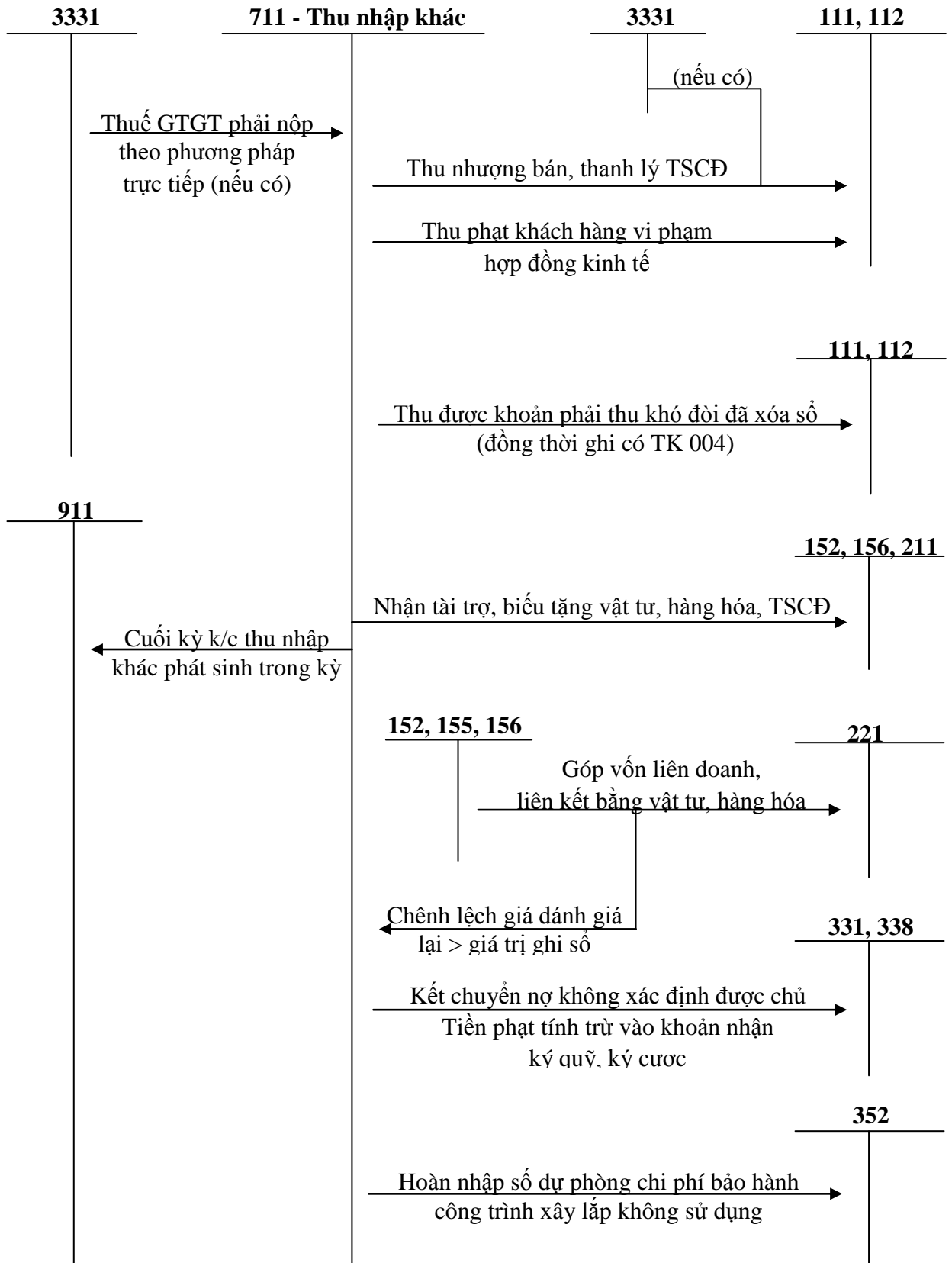
*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

##### Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7:

**Kế toán thu nhập khác**  
**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



## 1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

### 1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

#### Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho":

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh

#### Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Lượng HH xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền}$$

#### *Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:*

- *Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- *Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

#### Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá là mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi nhập lần đầu tiên).

#### Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

- *Xác định tại thời điểm cuối kỳ:* theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

- *Xác định sau mỗi lần nhập*: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

#### **+ Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

#### **+ Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho

#### **+ Tài khoản sử dụng**

**TK 632 "Giá vốn hàng bán"**

**TK 156 "Hàng hóa"**

#### **+ Kết cấu tài khoản**

##### **Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**

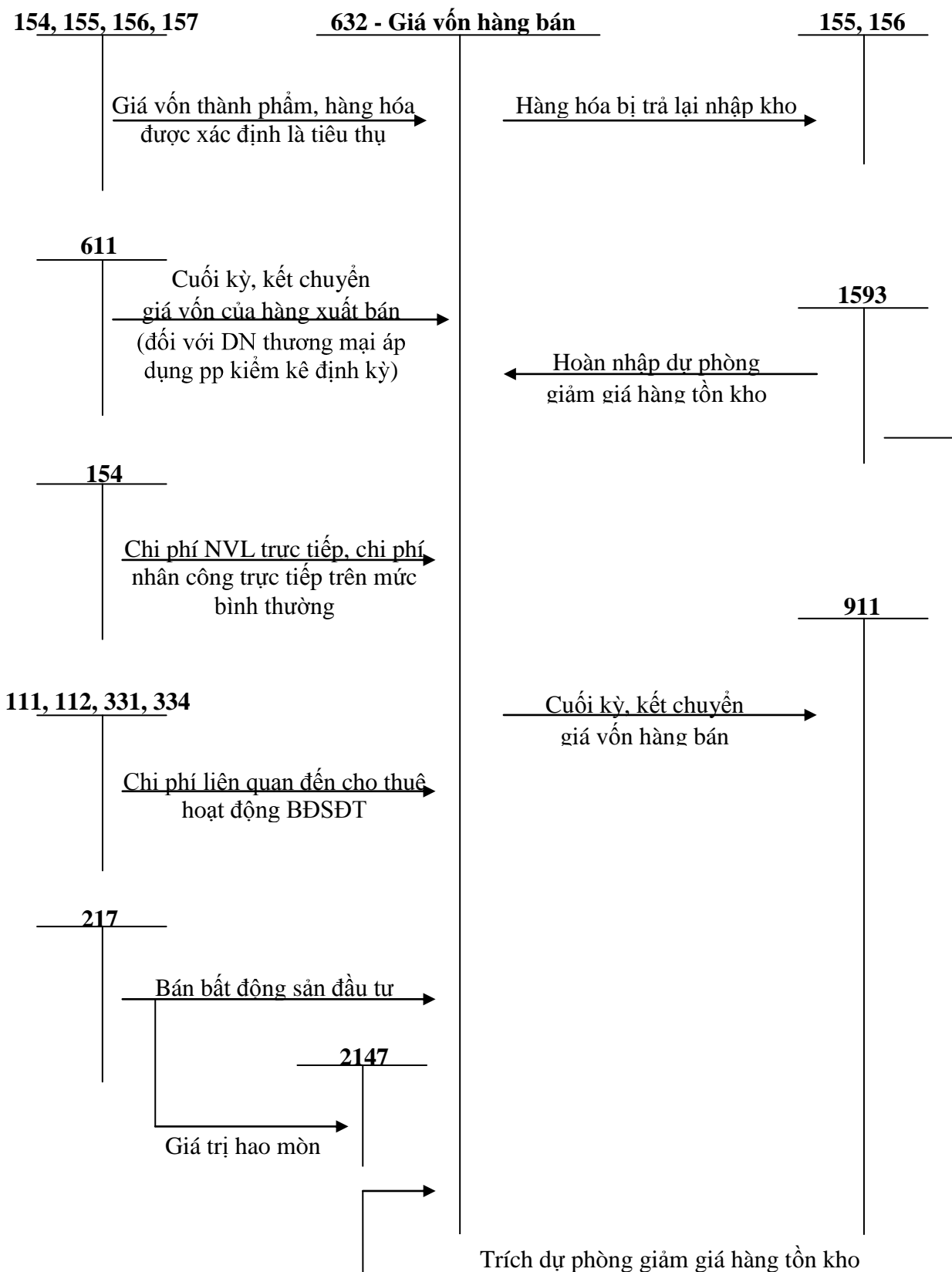
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, HH, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
	- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

## Sơ đồ hạch toán

### Sơ đồ 1.8:

#### Kế toán giá vốn hàng bán (theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



### 1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính

#### ✚ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

#### ✚ Tài khoản sử dụng: TK 635 "Chi phí tài chính"

#### ✚ Kết cấu tài khoản

#### Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"

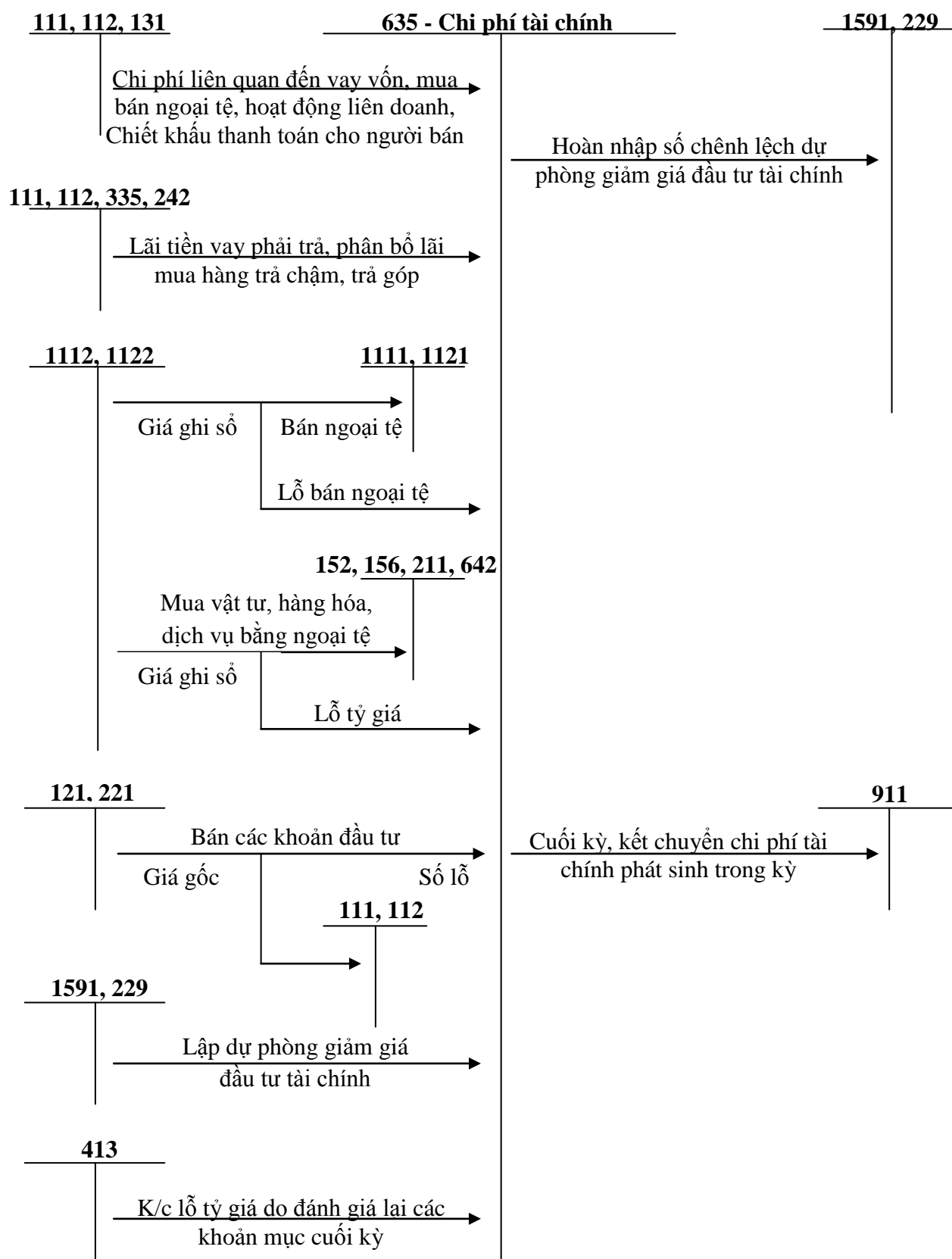
- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.	- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.	
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.	
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

#### ✚ Sơ đồ hạch toán

**Sơ đồ 1.9:**

**Kế toán chi phí tài chính**  
**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



### ***1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC***

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng đơn vị TK 642 có thể mở chi tiết theo từng loại chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, trong từng loại chi phí được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

**+ Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

**+ Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ CP có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn DN.

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế phí, lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

**+ Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

**+ Tài khoản sử dụng: TK 642 "Chi phí quản lý kinh doanh"**

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 - *Chi phí bán hàng*

TK 6422 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

**✚ Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”**

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

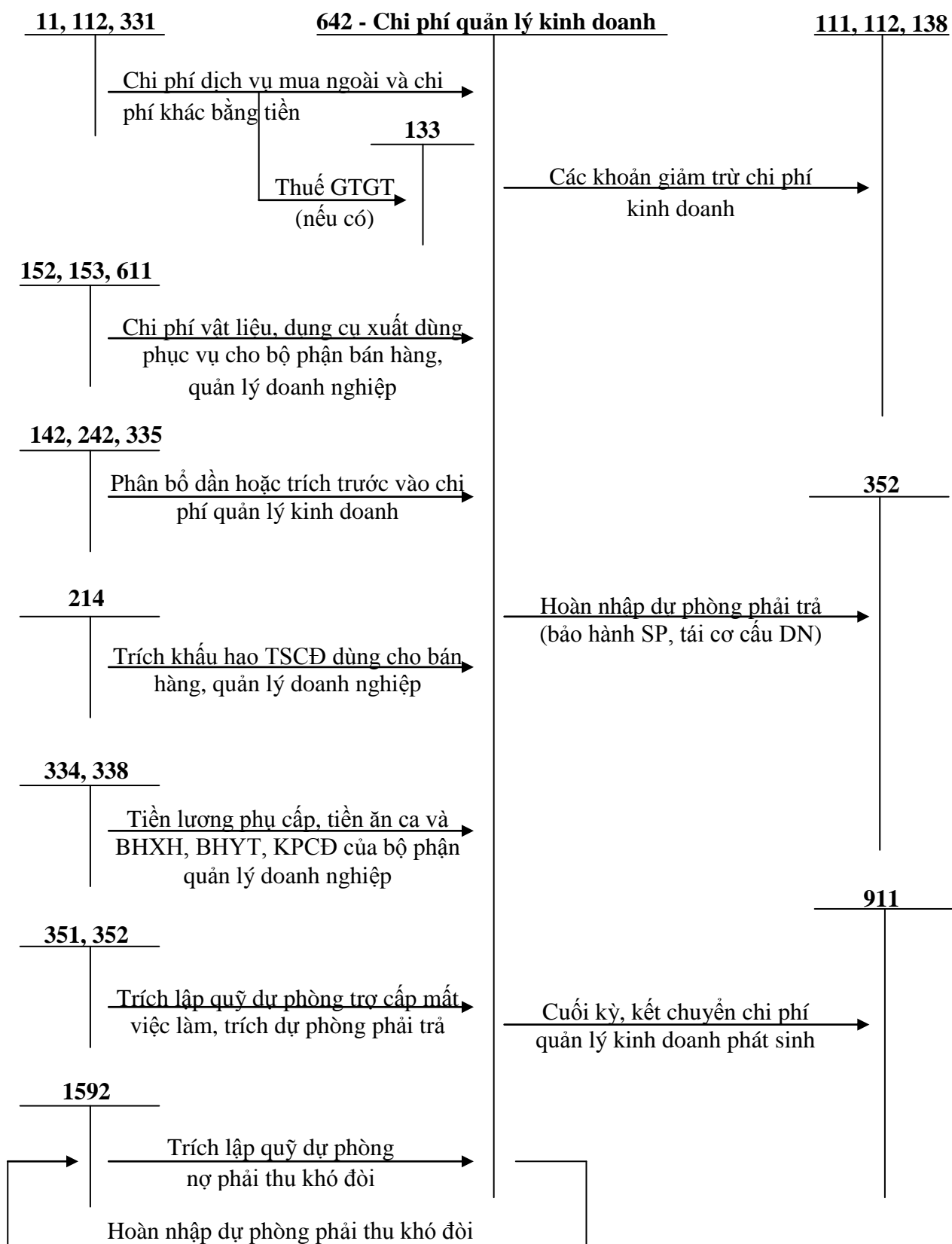
*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**✚ Sơ đồ hạch toán:**



Sơ đồ 1.10:

**Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**  
**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



#### 1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác

##### + Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- phiếu kế toán

##### + Tài khoản sử dụng: TK 811 "Chi phí khác"

##### + Kết cấu tài khoản

#### Tài khoản 811 "Chi phí khác"

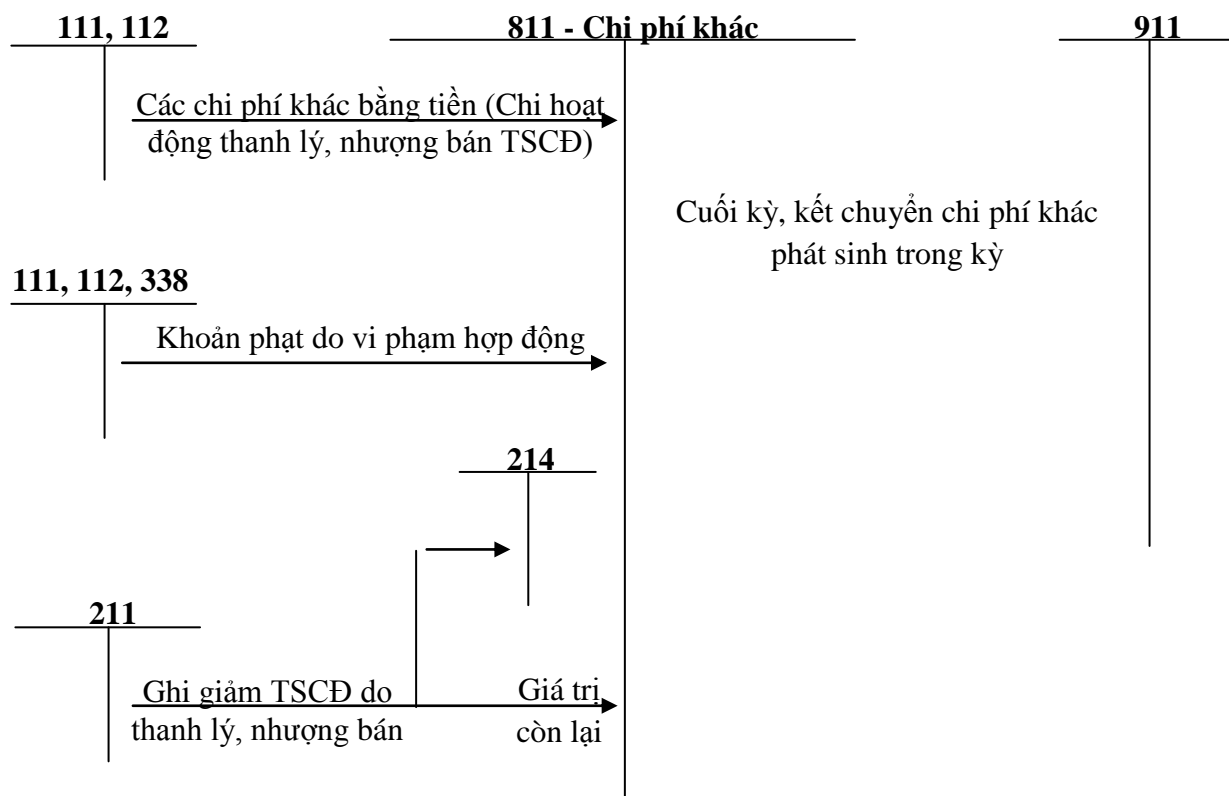
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

##### + Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.11:

#### Kế toán chi phí khác Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



**1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**

**+ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán, Chứng từ liên quan khác.

**+ Tài khoản sử dụng**

**TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

**TK 821 "Chi phí thuế TNDN"**

**TK 421 "Lợi nhuận chưa phân phối"**

*Các TK khác có liên quan*

**+ Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”**

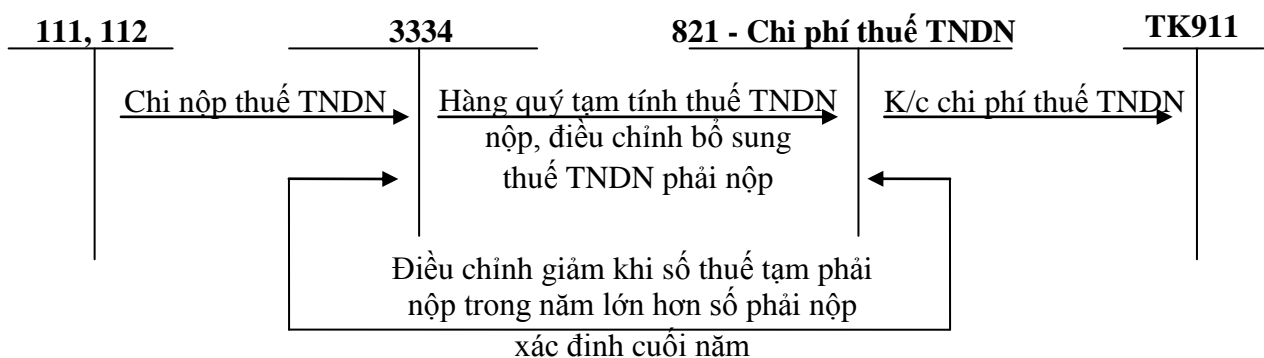
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính</li> <li>- Chi phí khác</li> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh</li> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính</li> <li>- Thu nhập khác</li> <li>- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.</li> <li>- Kết chuyển lỗ</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**+ Sơ đồ hạch toán**

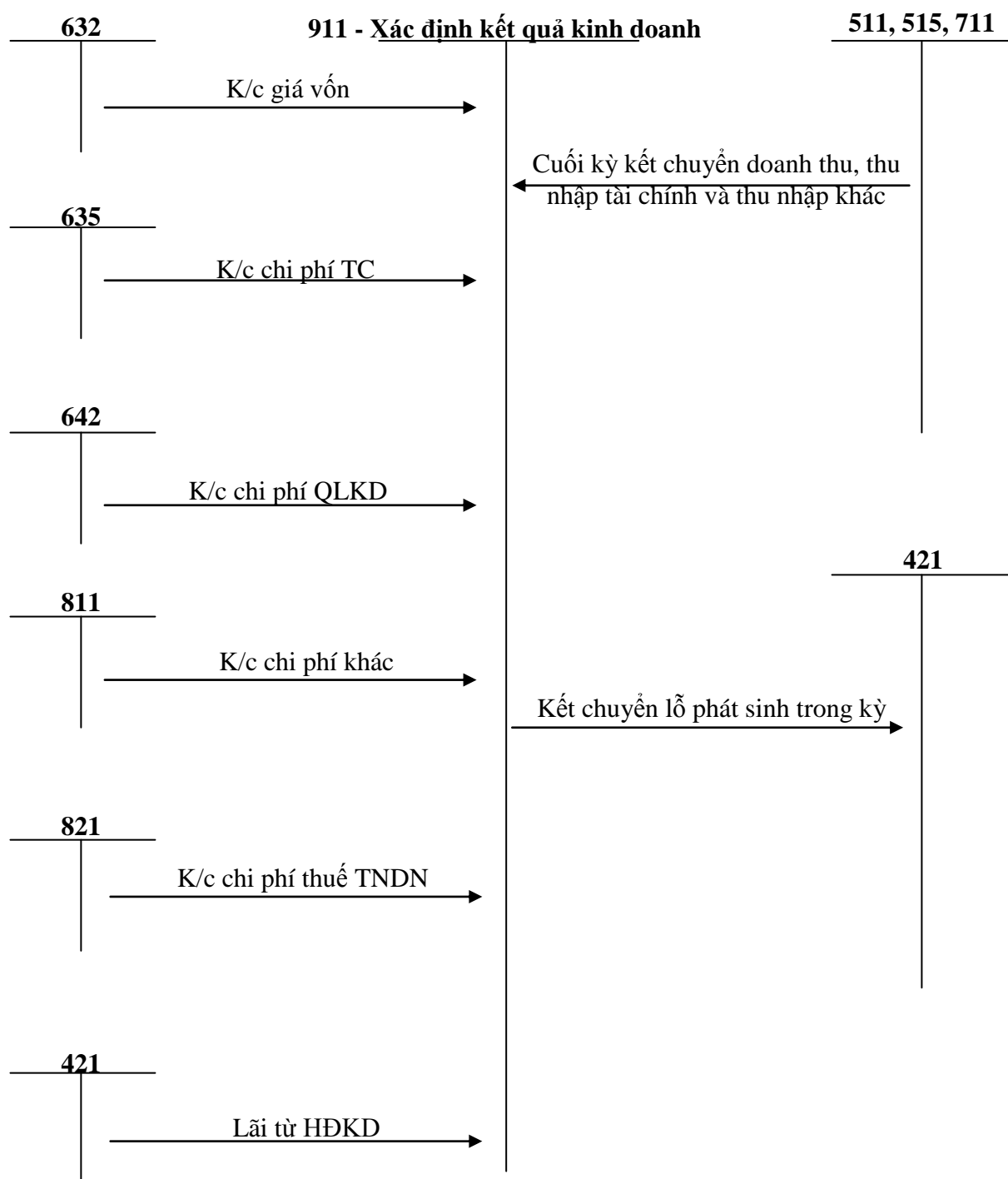
**Sơ đồ 1.12:**

**Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp  
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



Sơ đồ 1.13:

**Kế toán xác định kết quả kinh doanh**  
**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



**1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

*Doanh nghiệp áp dụng một trong các hình thức sau:*

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung
2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Để dễ dàng cho việc so sánh, em xin được đi sâu vào hình thức kế toán mà Công ty TNHH Thương mại Vũ Long áp dụng, cụ thể là công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán (Kế toán máy).

### Hình thức kế toán trên máy vi tính

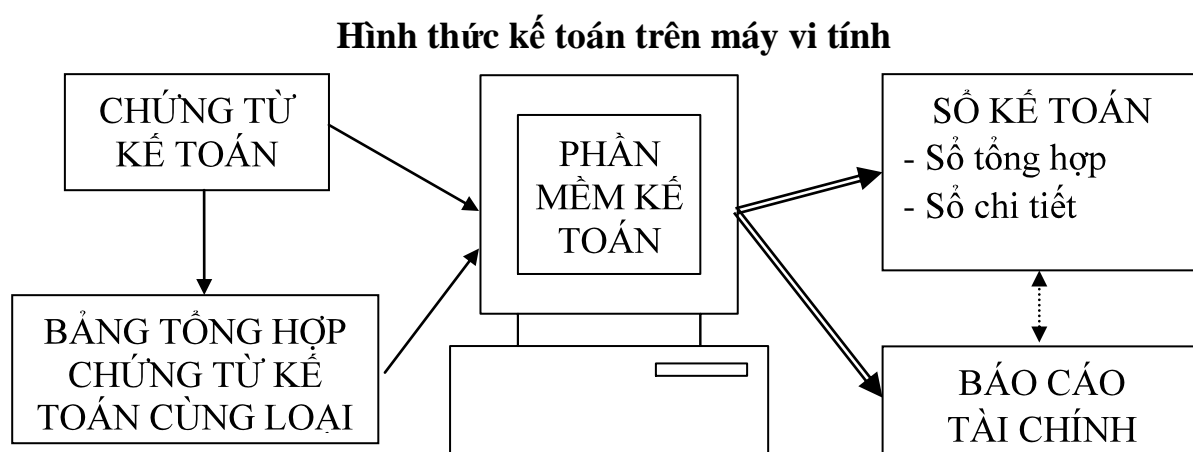
#### 🚩 Đặc điểm:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

#### Trình tự ghi sổ kế toán:

#### Sơ đồ 1.14:



#### Ghi chú:

- : Nhập số liệu hàng ngày
- ==> : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VŨ LONG**

### **2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Vũ Long**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH TM Vũ Long**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0202002063 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2004. Công ty TNHH TM Vũ Long là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VŨ LONG**

(Được đổi tên từ Công ty TNHH My Phương)

Đăng ký lần đầu, ngày 04 tháng 08 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 17 tháng 09 năm 2010

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

**VU LONG TRADING LIMITED COMPANY**

Tên Công ty viết tắt:

**VU LONG TRADICO**

Mã số doanh nghiệp: **0 2 0 0 5 9 6 1 2 5**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 168 đường Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3833306

Địa chỉ imail: myphuong\_vnhp@yahoo.com

Vốn điều lệ: **3.000.000.000** đồng

Công ty có tư cách pháp nhân, sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Techcombank. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Sau hơn 5 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động.

#### ***2.1.1.1. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động.***

##### **+ Thuận lợi.**

Công ty TNHH TM Vũ Long được sự giúp đỡ, quan tâm của ban ngành Thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ cán bộ năng động. Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được yêu cầu cần thiết ngày càng lớn của thị trường trong nước cũng như ngoài nước.

- Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã đảm bảo quản lý và hoạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả.
- Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán có trình độ cao, năng lực, nhiệt tình và trung thực phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tài chính rõ ràng, khoa học giúp giảm bớt khối lượng kế toán, kế toán viên có thể đáp ứng đầy đủ thông tin hữu dụng đến với yêu cầu quản lý của công ty cũng như các đối tượng liên quan khác.

##### **+ Khó khăn.**

Công ty TNHH Thương mại Vũ Long có quy mô sản xuất kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ và bị hạn chế về nhiều mặt như về sự mất cân bằng thị trường, giá cả tăng cao cũng như về vốn...

Ngoài ra sự cạnh tranh của các Doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng như là một trở ngại lớn đối với Công ty.

#### ***2.1.1.2. Những thành tích cơ bản mà Công ty đã đạt được trong những năm qua.***

##### **+ Về sự biến động của tài sản và nguồn vốn tại Công ty: (ĐVT: Đồng)**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tài sản</b>			
A. Tài sản ngắn hạn	5.892.452.128	6.135.796.697	12.190.868.585
B. Tài sản dài hạn	458.927.635	532.027.658	1.789.834.387
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.351.379.763</b>	<b>6.667.824.355</b>	<b>13.980.702.972</b>
<b>Nguồn vốn</b>			
A. Nợ phải trả	2.449.125.597	3.385.144.890	8.978.011.018
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	2.503.389.767	3.282.679.465	5.002.691.854
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>4.952.515.364</b>	<b>6.667.824.355</b>	<b>13.980.702.872</b>

**Biểu số 2.1. Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trong các năm 2008, 2009, 2010**

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng lên và tăng mạnh ở năm 2010, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của Công ty đã được tăng cường, quy mô được mở rộng, sự tăng này sẽ tạo ra nguồn lợi tức trong dài hạn cho Công ty.

**📌 Về sự biến động của doanh thu: (ĐVT: Đồng)**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	12.668.479.069	15.467.868.476	19.283.038.711
Lợi nhuận sau thuế	280.436.598	310.968.665	502.691.954

**Biểu số 2.2. Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2008, 2009, 2010**

Qua bảng trên ta thấy lợi nhuận của Công ty sau 3 năm đã ngày càng tăng, việc kinh doanh của Công ty hoạt động ngày càng có hiệu quả.

**2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH TM Vũ Long**

Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại nên hoạt động chủ yếu của công ty là mua và bán, mặt hàng chính của công ty là các sản phẩm sắt, thép, phế liệu; mua bán tàu cũ... Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của mình, công ty đã xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp thực hiện việc bán hàng, vận



chuyên...Với việc tổ chức như trên đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

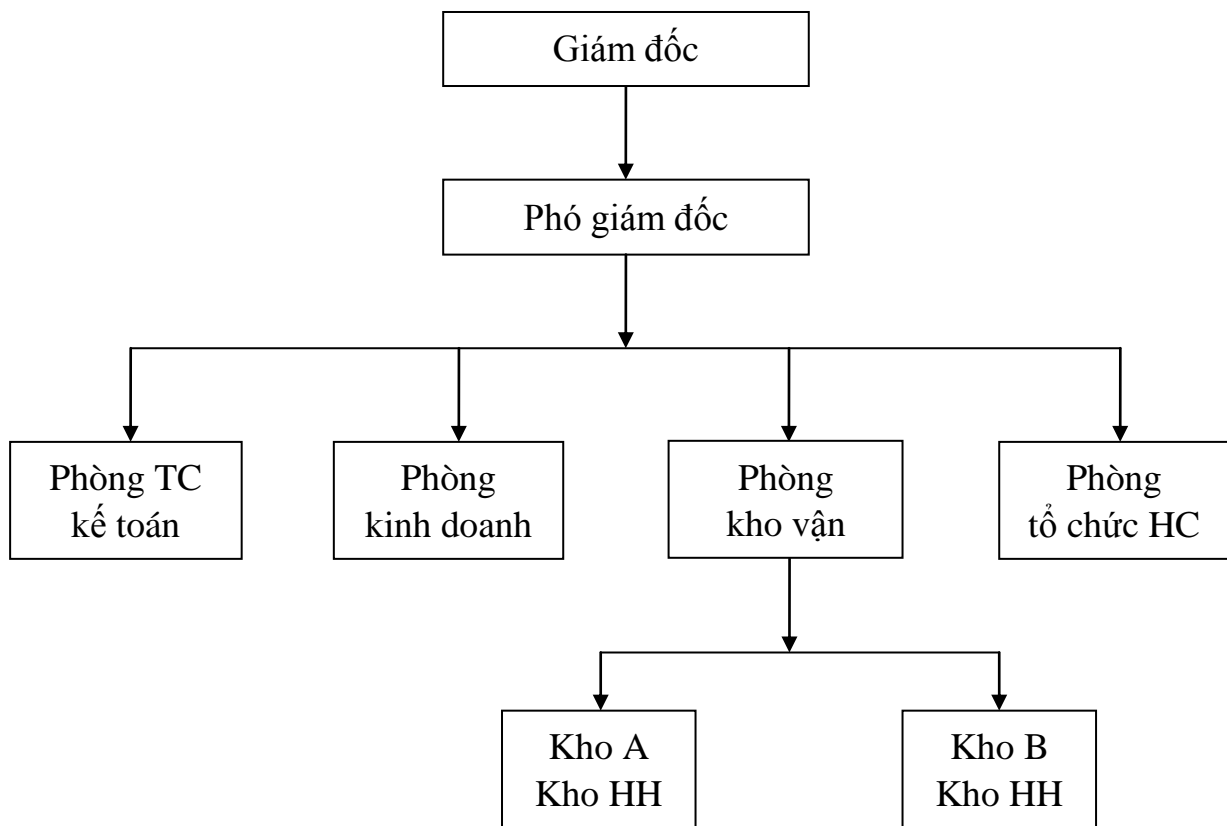
### 2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Vũ Long

Công ty TNHH Thương mại Vũ Long là đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng:

Sơ đồ 2.1:

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Vũ Long.



**Giám đốc:** là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty.

**Phó giám đốc:** Phó giám đốc là người tham mưu, hỗ trợ giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc, trước Nhà nước về nhiệm vụ của mình được Giám đốc phân công. PGĐ phối hợp các phòng ban trong công ty để lập và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với xu thế của thị trường, quản lý chắc chắn các loại vốn, hạch toán thu tài chính theo đúng chế độ của Nhà Nước.

**Phòng kế toán tài chính:** Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của Công ty và các quỹ để lại.

**Phòng kinh doanh:** Có nhiệm vụ lập kế hoạch, lên phương án sản xuất kinh doanh của Công ty. Phòng này có chức năng tìm hiểu, nghiên cứu thị trường, tham mưu cho Giám đốc trong lập kế hoạch tiêu thụ hàng hóa.

**Phòng kho vận:** Quản lý và điều hành kho, bãi, tổ chức công tác quản lý hàng hóa.

**Phòng tổ chức hành chính:** Quản lý lao động, điều động nhân lực khi cần thiết, tham mưu cho Ban Giám Đốc về tổ chức bộ máy quản lý, nghiên cứu lập kế hoạch hoạt động chung cho toàn công ty, quản lý và tổ chức nhân sự trong công ty, thực hiện các công tác lao động tiền lương, hỗ trợ các phòng ban khác soạn thảo văn bản, công văn, hồ sơ... Theo dõi và thiết lập kế hoạch đào tạo trên cơ sở phát triển theo định hướng của Công ty.

#### **2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty TNHH TM Vũ Long**

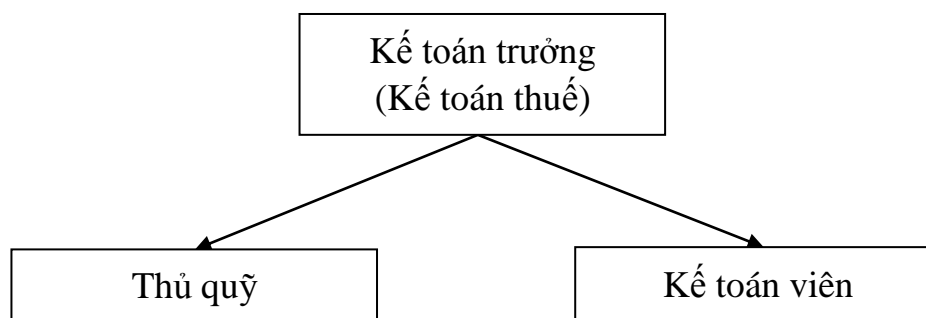
Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là phòng *Tài chính kế toán*. Trong phòng, kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán của Công ty.

 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Vũ Long.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung:

## Sơ đồ 2.2:

### Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương mại Vũ Long.



## Trong đó:

### **Kế toán trưởng:**

Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân hàng, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

### **Kế toán viên:**

- Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, TSCĐ, HH, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ phải thu phải trả để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc.
- Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật tư\_ HH về mặt số lượng.
- Xuất, nhập, bảo quản kho vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty.

### **Thủ quỹ:**

- Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt.
- Quản lý, bảo quản tiền mặt.
- Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.
- Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

## 2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của công ty TNHH TM Vũ Long

### ***2.1.5.1. Đặc điểm các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty***

- ✚ Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.
- ✚ Hệ thống tài khoản hiện nay Công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.
- ✚ Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- ✚ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- ✚ Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- ✚ Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:
  - Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
  - Tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân cả kỳ
  - Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
  - Tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đều
- ✚ Hiện tại Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính theo hình thức nhật ký chung.

### ***2.1.5.2. Hình thức kế toán, phần mềm kế toán áp dụng tại công ty***

#### **✚ Hình thức kế toán tại công ty**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được Công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

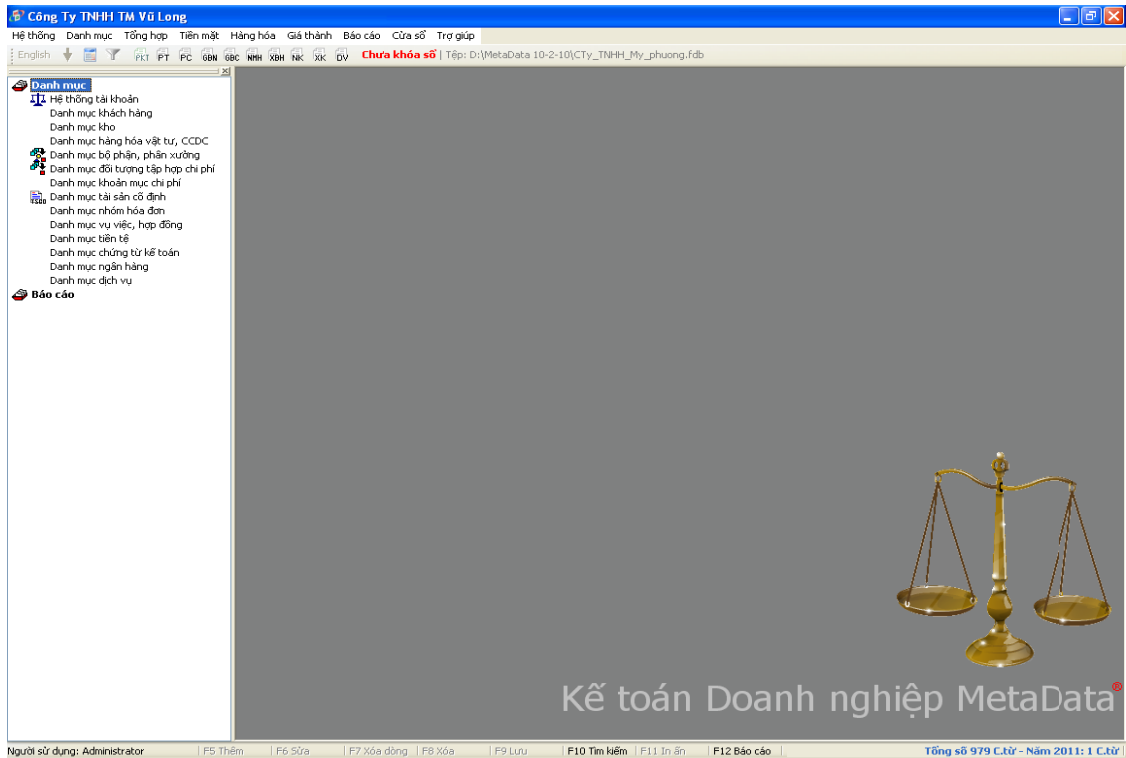
Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán "Nhật ký chung" là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC sau đó từ sổ NKC vào sổ cái các tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

#### **✚ Phần mềm kế toán áp dụng tại Công ty**

Hiện tại công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính theo hình thức nhật ký chung, tại công ty mỗi kế toán được trang bị một máy vi tính và cùng sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kế toán, đồng thời mỗi kế toán chịu trách nhiệm một phần hành kế toán riêng sẽ lập sổ theo dõi trên

Excel. Việc vận dụng máy tính trong công ty giúp cho công tác hạch toán, tổng hợp, kiểm tra của kế toán trở nên rất thuận tiện, hiệu quả và chính xác.

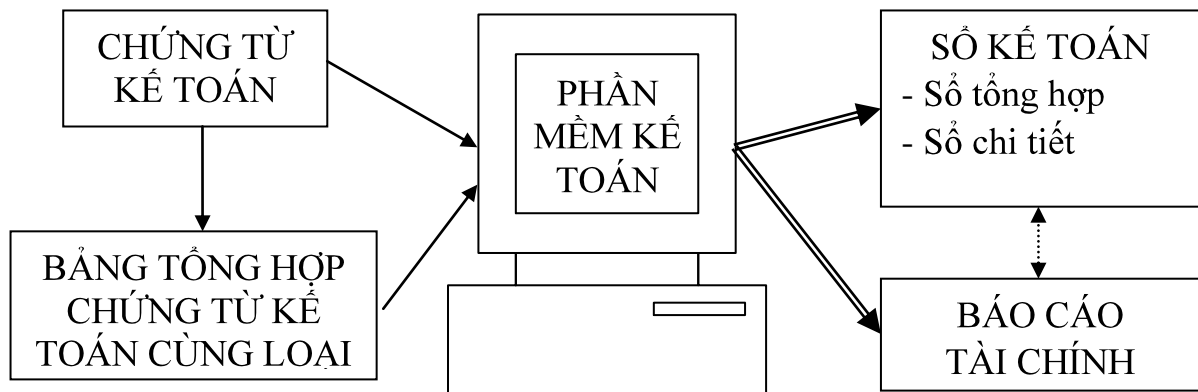
*Công ty sử dụng phần mềm: Meta Data*



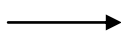
✚ *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính*

Sơ đồ 2.3:

### TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THÔNG QUA PHẦN MỀM



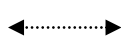
**Ghi chú:**



: Nhập số liệu hàng ngày



: In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



: Đối chiếu, kiểm tra

## **Trình tự kế toán thông qua phần mềm như sau:**

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

2. Cuối năm, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Vũ Long**

### **2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH TM Vũ Long**

#### **2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán**

##### **a. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **✚ Phương thức bán hàng công ty áp dụng:**

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Áp dụng đối với tất cả các mặt hàng của công ty như sắt, thép phế liệu, tàu cũ...
- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, công ty sẽ chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của công ty. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận mới được coi là tiêu thụ.

##### **✚ Hình thức thanh toán**

- Chuyển khoản: đây là hình thức thanh toán được áp dụng thường xuyên

- Tiền mặt
- Bán chịu (Điều này phụ thuộc vào điều khoản hợp đồng giữa 2 bên)

#### + Tài khoản sử dụng:

TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 333(3331) - Thuế GTGT phải nộp

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Các TK liên quan khác: TK 111, 112, 131...

#### + Chứng từ sử dụng:

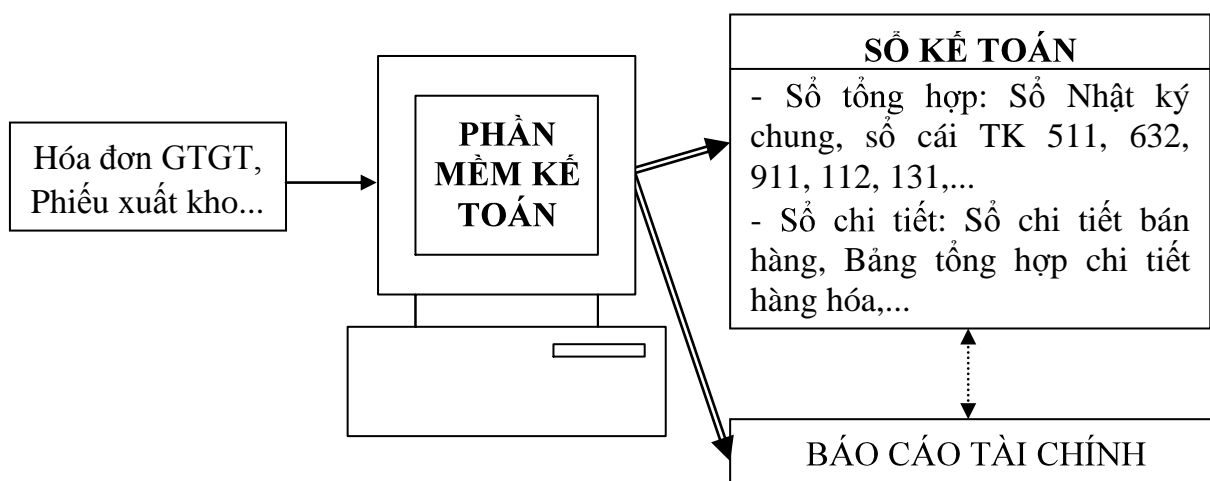
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT - 3LL)
  - + Liên 1: (màu tím) được lưu lại quyển hoá đơn
  - + Liên 2: (màu đỏ) giao cho khách hàng
  - + Liên 3: (màu xanh) luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán
- Phiếu xuất kho; Lệnh xuất kho
- Bảng kê hóa đơn thực xuất; Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo có...

#### + Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái TK 511, TK 632
- Sổ chi tiết bán hàng
- Bảng tổng hợp chi tiết

#### + Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4:



## Ghi chú:

- : Nhập số liệu hàng ngày  
⇒ : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm  
↔ : Đối chiếu, kiểm tra

### ***b. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán***

#### **+ Căn cứ tính giá vốn**

Trị giá vốn của hàng bán chính là trị giá mua thực tế của hàng bán ra gồm trị giá mua và chi phí mua.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá vốn} & = & \text{Giá mua ghi} & + & \text{Chi phí} \\ \text{hàng tiêu thụ} & & \text{trên hoá đơn} & & \text{thu mua} \end{array}$$

#### **+ Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

- Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ.
- Trong quá trình kinh doanh, căn cứ vào thoả thuận mua bán với khách hàng phát sinh tại từng thời điểm, thủ kho sẽ lập phiếu yêu cầu xuất HH.

#### **+ Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 156 - *Hàng hóa*

Tài khoản 632 - *Giá vốn hàng bán*

#### **+ Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

#### **+ Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá
- Sổ Cái TK 632, TK 156

#### **+ Quy trình hạch toán**

- Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT và chứng từ liên quan để nhập số liệu vào phần mềm ghi nhận doanh thu và in phiếu xuất kho (1 liên kẹp cùng chứng từ, 1 liên giao cho thủ kho).
- Cuối tháng, kế toán vào phân hệ ***Báo cáo/Sổ, thẻ hàng hóa/Bảng tính giá vốn trung bình tháng*** để tính đơn giá bình quân tháng.



- Theo chương trình của phần mềm số liệu được tự động chuyển vào các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết các TK 511, 632, 112, 131...
- Kế toán vào phân hệ **Báo cáo/Nhật ký chung** xem các sổ sách liên quan.

Sau đây em xin lấy ví dụ về nghiệp vụ bán hàng theo phương thức trực tiếp:

**Ví dụ:**

Ngày 30/09/2010, xuất kho 150.000 kg sắt phế liệu bán cho công ty TNHH Việt Thắng, đơn giá 7.700 đồng/kg (giá chưa thuế VAT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản.

**Quy trình hạch toán:**

1. Kế toán vào phân hệ Hàng hóa/Xuất bán hàng hóa - vật tư hoặc nhân XBH ghi trên màn hình để ghi nhận doanh thu và lập phiếu xuất kho số 105 (1 liên kẹp cùng chứng từ, 1 liên giao cho thủ kho).
2. Cuối ngày 30/09/2010, kế toán vào phân hệ Báo cáo/Sổ, thẻ hàng hóa/Bảng tính giá vốn trung bình tháng để tính đơn giá bình quân tháng 09/2010.
3. Theo chương trình của phần mềm số liệu được tự động chuyển vào các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết các TK 511, 333, 112...  
Kế toán vào phân hệ Báo cáo/Nhật ký chung xem các sổ sách liên quan.



NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
HPG-TCB HAI PHONG  
MST: 0100230800-004

Theo công văn số 21208/CT/AC  
Cục thuế Hà Nội



## PHIẾU BÁO CÁO

Trang 1/1

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Kính gửi : CT TNHH TM VU LONG

Số tài khoản : **109.20026585.01.5**

Địa chỉ : SO 168 LE LAI MAY CHAI NGO QUYEN HP

Loại tiền : **VND**

Mã số thuế: 0200596125

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng: 20026585

Số bút hạch toán: 1002002658015\_200100131

**Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:**

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	1.270.500.000
<b>Tổng số tiền</b>	<b>1.270.500.000</b>

Số tiền bằng chữ : **Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng chẵn**

Trích yếu : B/O:CTY TNHH VIET THANG TRA TIEN HANG

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

**Công ty TNHH TM Vũ Long**

Hệ thống | Danh mục | Tổng hợp | Tiền mặt | Hàng hóa | Giá thành | Báo cáo | Cửa sổ | Trợ giúp

English | FKT | PT | PC | GEN | GBC | NHX | XH | NK | XK | DV | Chưa khóa sổ | Tệp: \\Ketoan\d\MetaData\CTy TNHH My\_phuong.fdb

**Danh mục**

- Báo cáo
- Báo cáo khác
- Báo cáo tài chính
  - Báo cáo kết quả hoạt động
  - Báo cáo kết quả hoạt động
  - Báo cáo lưu chuyển tiền
  - Báo cáo lưu chuyển tiền
  - Bảng cân đối kế toán (B)
  - Bảng cân đối kế toán (B)
  - Thuyết minh báo cáo tài
- Chi phí - Giá thành
- Công nợ
- Doanh thu

**Báo cáo nhanh**

**Hàng hóa**  
 Mã: SPL  
 Tên: sắt phế liệu  
 Tôn: 0 KG (Kho: A)  
 Giá trị: 0  
 Giá vốn TB: 0

**Công nợ**  
 Khách: VT - Công ty TNHH TM và SX  
 Tài khoản: 131 - Phải thu của khách  
 Dự Ng: 1 537 875 640  
 Dự Có: 0

**Chứng từ [Xuất bán hàng]**

Ngày	Diễn giải
30/09/2010	sắt phế liệu
16/09/2010	:::Xuất bán hàng
24/08/2010	ítầu tự hành TH14-01
24/06/2010	:::Xuất phụ tùng máy
23/06/2010	:::Xuất vật tư máy tàu p
30/03/2010	:::Phế liệu tồn tầu
30/03/2010	:::Thép phế liệu
31/12/2009	:::Xuất bán thép phế liệ
30/12/2009	:::thép ống các loại
25/12/2009	:::thép phế liệu
23/11/2009	:::thép phế liệu

**Xuất bán hàng**

Mã C.từ: XBH | Mã khách: VT | Mã tiền tệ: VND  
 Số C.từ: 105 | Tên khách: Công ty TNHH TM và SX Việt Thắng | Tỷ giá TT: 1  
 Ngày: 30/09/2010 | Ng nhận hàng: Nguyễn Quốc Việt | Tỷ giá HT: 1  
 Mã kho: A | Diễn giải: sắt phế liệu | Mã vụ việc:

Hàng hóa:  Bán sỉ  C.Khẩu  K.mại  B.hành  TIMEI

Mã H.hóa	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	T.suất GTGT	Thuế GTGT	Giá vốn	Tiền vốn
SPL	sắt phế liệu	KG	150 000	7 700	1 155 000 000	10	115 500 000	7 400,00	1 110 000 000

Bút toán doanh thu | Bút toán giá vốn

Hạn TT: Ngày

	Tiền hàng	Có	5111	1 155 000 000	VND
Thuế GTGT	10 %	Có	33311	115 500 000	VND
Tiền thanh toán		Nợ	131	1 270 500 000	VND

Thêm | Sửa | Xóa | Lưu | In ấn | Tìm | Bỏ | Đóng

Người sử dụng: Administrator | F5 Thêm | F6 Sửa | F7 Xóa dòng | F8 Xóa | F9 Lưu | F10 Tìm kiếm | F11 In ấn | F12 Báo cáo | Tổng số 922 C.từ - Năm 2011: 3 C.từ

**Công ty TNHH TM Vũ Long - [Báo cáo]**

Hệ thống | Danh mục | Tổng hợp | Tiền mặt | Hàng hóa | Giá thành | Báo cáo | Cửa sổ | Trợ giúp

English | FKT | PT | PC | GEN | GBC | NHX | XH | NK | XK | DV | Chưa khóa sổ | Tệp: \\Ketoan\d\MetaData\CTy TNHH My\_phuong.fdb

**Báo cáo**

- Báo cáo khác
- Báo cáo tài chính
  - Báo cáo kết quả hoạt động
  - Báo cáo kết quả hoạt động
  - Báo cáo lưu chuyển tiền
  - Báo cáo lưu chuyển tiền
  - Bảng cân đối kế toán (B)
  - Bảng cân đối kế toán (B)
  - Thuyết minh báo cáo tài
- Chi phí - Giá thành
- Công nợ
- Doanh thu
- Kho hàng hóa, vật tư

**Báo cáo nhanh**

**Hàng hóa**  
 Mã: SPL  
 Tên: sắt phế liệu  
 Tôn: 0 KG (Kho: A)  
 Giá trị: 0  
 Giá vốn TB: 0

**Công nợ**  
 Khách: VT - Công ty TNHH TM và SX  
 Tài khoản: 131 - Phải thu của khách  
 Dự Ng: 1 537 875 640  
 Dự Có: 0

**Ảnh:**

**BẢNG TÍNH GIÁ VỐN TRUNG BÌNH THÁNG**

Kho: A - Kho A - hàng hoá  
 Hàng hóa: SPL - sắt phế liệu  
 Tháng 9 Năm 2010

Mã	Kho	Tên	Mã	Tên	DVT	Tên đầu		Nhập		Tổng cộng		Giá TB tháng
						Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
I	A	Kho A - hàng hoá	SPL	sắt phế liệu	KG	150 000	1 110 000 000	150 000	1 110 000 000			7 400

1110000000

Người sử dụng: Administrator | F5 Thêm | F6 Sửa | F7 Xóa dòng | F8 Xóa | F9 Lưu | F10 Tìm kiếm | F11 In ấn | F12 Báo cáo | Tổng số 922 C.từ - Năm 2011: 3 C.từ

Công Ty TNHH TM Vũ Long  
168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng  
Tel: 0313.523396 - Fax: 0313.523396  
E-mail: myphuong\_vnhp@yahoo.com

Mẫu số: 02-VT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## Phiếu xuất kho

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Số: 105

Nợ: 632

Có: 156

**Họ tên người nhận hàng:**

**Lý do xuất:** Sắt phế liệu

**Xuất tại kho:** A - Kho A - hàng hóa

TT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Sắt phế liệu	SPL	Kg	150 000	7 400	1 110 000 000
<b>Cộng tiền hàng:</b>						<b>1 110 000 000</b>

Bằng chữ: **Một tỷ một trăm mười triệu đồng chẵn./.**

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.3:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG****Kho: A****Tên mặt hàng: Sắt phế liệu****Mã HH: SPL****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

T T	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Mã khách hàng	Doanh thu			Thuế	Giá vốn	Lãi gộp
	SH	Ngày, tháng				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...	...	...
3	HĐ GTGT 87456	03/09/10	Bán sắt phế liệu cho CTY CP CN tàu thủy &TM Hùng Vương	131	HV	50.000	7.750	387.500.000	10%		
4	HĐ GTGT 87458	08/09/10	Bán sắt phế liệu cho CTY CP kim khí Nam Bình phát	112	NBP	105.770	7.750	819.717.500	10%		
5	HĐ GTGT 87466	30/09/10	<b>Bán sắt phế liệu cho CTY TNHH Việt Thắng</b>	112	VT	<b>150.000</b>	<b>7.700</b>	<b>1.155.000.000</b>	<b>10%</b>		
<b>Tổng cộng phát sinh tháng 9/2010</b>						<b>425.827</b>	x	<b>2.757.653.839</b>	x	<b>2.262.698.000</b>	<b>494.955.839</b>

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

**Biểu số 2.4:****Công ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	.....	...	...	...
10/09/10	BTTL T8	10/09/10	Tính lương T8/2010 bộ phận QLDN	6422	334	42.000.000
...	...	...	.....	...	...	...
18/09/10	HĐ GTGT 36916	18/09/10	Thay main máy tính phòng kế toán	6422	1111	836.364
18/09/10	HĐ GTGT 36916	18/09/10	VAT được khấu trừ_CTY TNHH Bệnh viện máy tính AVC	133	1111	83.636
...	...	...	.....	...	...	...
26/09/10	GBN 198	26/09/10	Phí kiểm đếm tiền NH Techcombank	635	1121	16.500
30/09/10	GBC 212	30/09/10	Lãi số dư NH Đầu tư	1121	515	6.008
30/09/10	GBC 215	30/09/10	Lãi số dư NH Techcombank	1121	515	206.629
<b>30/09/10</b>	<b>HĐ GTGT 87466</b>	<b>30/09/10</b>	<b>Bán SPL cho CTY TNHH Việt Thắng</b>	<b>1121</b>	<b>511</b>	<b>1.155.000.000</b>
<b>30/09/10</b>	<b>HĐ GTGT 87466</b>	<b>30/09/10</b>	<b>VAT đầu ra_CTY TNHH Việt Thắng</b>	<b>1121</b>	<b>3331</b>	<b>115.500.000</b>
<b>30/09/10</b>	<b>PXK 105</b>	<b>30/09/10</b>	<b>Giá vốn SPL cty TNHH Việt Thắng</b>	<b>632</b>	<b>156</b>	<b>1.110.000.000</b>
<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>				<b>X</b>	<b>X</b>	<b>9.862.758.516</b>

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

**Biểu số 2.5:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****SỔ CÁI****Số hiệu TK: 511****Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	.....	...	...	...
03/09/10	HD GTGT 87456	03/09/10	Bán thép phế liệu CTY CP CN tàu thủy &TM Hùng Vương	131		542.500.000
08/09/10	HD GTGT 87458	08/09/10	Bán sắt phế liệu CTY CP kim khí Nam Bình Phát	112		819.717.500
<b>30/09/10</b>	<b>HD GTGT 87466</b>	<b>30/09/10</b>	<b>Doanh thu từ bán sắt phế liệu cho cty TNHH Việt Thắng</b>	<b>112</b>		<b>1.155.000.000</b>
30/09/10	KCH 37	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	3.300.153.839	
			<b>Cộng số phát sinh tháng 9</b>		<b>3.300.153.839</b>	<b>3.300.153.839</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_ Năm 2010*



**Biểu số 2.6:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****SỔ CÁI****Số hiệu TK: 632****Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	.....	...	...	...
30/09/10	PXK 98	08/09/10	Giá vốn SPL bán cho CTY CP kim khí Nam Bình phát	156	782.698.000	
<b>30/09/10</b>	<b>PXK 105</b>	<b>30/09/10</b>	<b>Giá vốn của SPL bán cho cty TNHH Việt Thắng</b>	<b>156</b>	<b>1.110.000.000</b>	
30/09/10	KCH 40	30/09/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		3.186.238.754
			<b>Cộng số phát sinh tháng 9</b>		<b>3.186.238.754</b>	<b>3.186.238.754</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

### 2.2.1.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### + Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán, Giấy tạm ứng...

#### + Tài khoản sử dụng:

TK 642 và mở các TK chi tiết cho TK 642

TK 6421 - Chi phí bán hàng

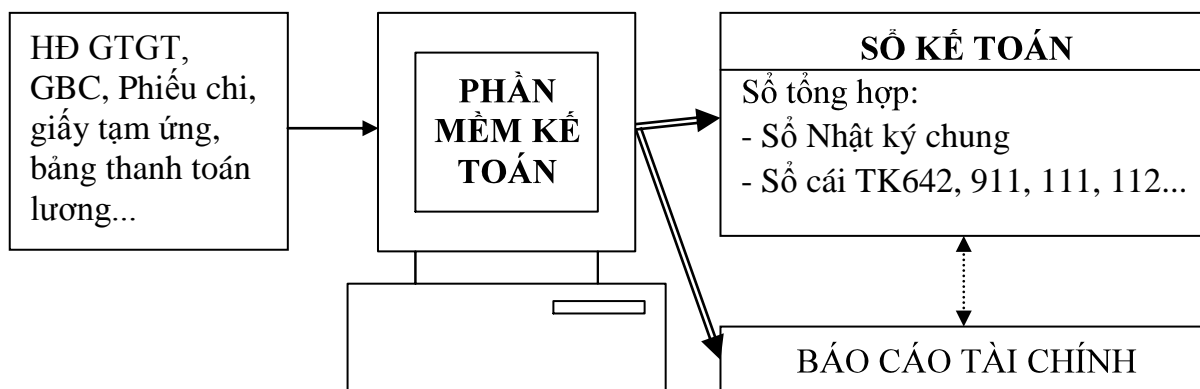
TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các TK liên quan: TK 111, 112, 131, 133, ...

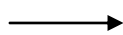
#### + Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 642

#### + Quy trình hạch toán:

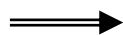
##### Sơ đồ 2.5:



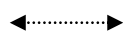
#### Ghi chú:



: Nhập số liệu hàng ngày



: In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



: Đối chiếu, kiểm tra

Từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi, ... kế toán tiến hành phân loại chi phí theo khoản mục và nhập vào máy. Máy tính sẽ tập hợp chi phí phát sinh trực tiếp trên sổ TK642, trên cột phát sinh nợ. Cuối tháng phần mềm sẽ tập hợp và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

### **Ví dụ 1:**

Ngày 18/09/10 Công ty TNHH Bệnh viện máy tính AVC thay main máy tính phòng kế toán trị giá 920.000 đồng (VAT 10%).

### **Ví dụ 2:**

Ngày 10/09/2010 tính và thanh toán lương T8/2010 cho bộ phận quản lý của Công ty TNHH TM Vũ Long.

### **Quy trình hạch toán: (Ví dụ 1)**

1. Kế toán vào phân hệ ***Tiền mặt/Phiếu chi tiền mặt*** hoặc ấn biểu tượng ***PC*** trên màn hình để lập phiếu chi số 1053.
  2. Theo chương trình của phần mềm số liệu được tự động chuyển vào các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ quỹ tiền mặt của các tài khoản liên quan như TK 111, 642, 133.
- Kế toán vào phân hệ ***Báo cáo/Nhật ký chung*** xem các sổ sách liên quan, riêng sổ quỹ tiền mặt kế toán vào phân hệ ***Báo cáo/Sổ quỹ/Sổ quỹ tiền mặt***.

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT-3LL  
EV/2010B  
**0036916**

Liên 2: Giao khách hàng  
Ngày 18 tháng 09 năm 2010

Đơn vị bán hàng: .....  
Địa chỉ: .....  
Số tài khoản: .....  
Điện thoại: ..... MS: .....

**CTY TNHH BỆNH VIỆN MÁY TÍNH AVC**  
**45H-LÊ ĐẠI HÀNH - HỒNG BÀNG - HẢI PHÒNG**  
**MST: 0200670562**

Họ tên người mua hàng: .....  
Tên đơn vị: ..... Công ty TNHH TM Vũ Long.....  
Địa chỉ: ..... 168 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, HP.....  
Số tài khoản: ..... MS: .....  
Hình thức thanh toán: .... TM.... MS: .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Mainboard	bộ	01	836.364	836.364

Cộng tiền hàng: .....836.364

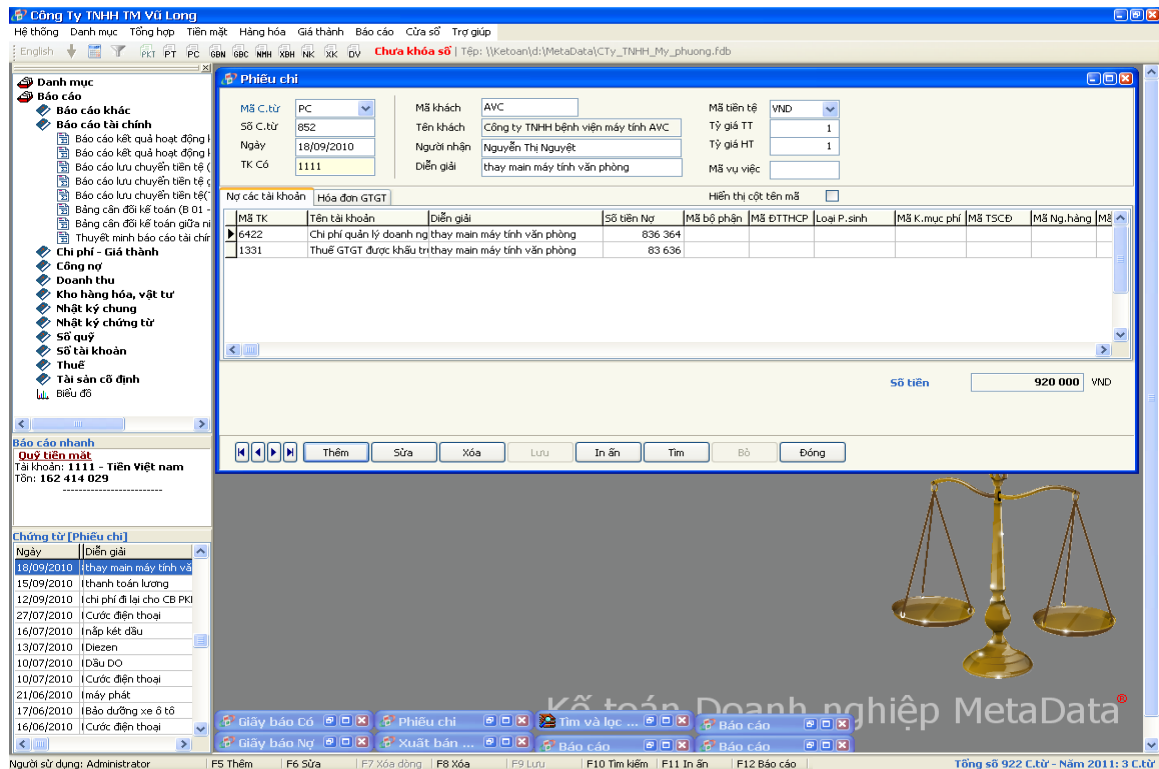
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: .....83.636

Tổng cộng tiền thanh toán: .....920.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./.....

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
Phạm Diệu Thúy	Đỗ Thị Minh Nguyệt	Ngô Thế Anh

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



Công Ty TNHH TM Vũ Long  
 168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng  
 Tel: 0313.523396 - Fax: 0313.523396  
 E-mail: myphuong\_vnhp@yahoo.com

Mẫu số: 02-TT  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## Phiếu chi

Ngày 18 tháng 09 năm 2010  
 Số: 852

Nợ: 642, 133  
 Có: 1111

**Người nhận:** Công ty TNHH Bệnh viện máy tính AVC

**Địa chỉ:** Số 45H Lê Đại Hành, Hồng Bàng, HP

**Lý do chi:** Thay main máy tính phòng kế toán

**Số tiền:** 920 000

**Bằng chữ:** Chín trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./.

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.7:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG T08/2010  
BỘ PHẬN QUẢN LÝ**

TT	Họ và tên	Chức vụ	NC	Lương	Tổng thu nhập	Khấu trừ tạm ứng				Số thực nhận kỳ này	
						BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Số tiền	Ký tên
1	VŨ VĂN TÂN	PGD	26	5.500.000	5.500.000	330.000	82.500	55.000	-	5.032.500	
2	PHẠM THỊ DIỆU THÚY	KTT	26	4.500.000	4.500.000	270.000	67.500	45.000	-	4.117.500	
3	HOÀNG .T. NGỌC HÀ	Thủ quỹ	26	3.500.000	3.500.000	210.000	52.500	35.000	-	3.202.500	
4	NGUYỄN THU TRANG	KTV	26	3.000.000	3.000.000	180.000	45.000	30.000	-	2.745.000	
5	TRỊNH MINH PHƯỢNG	TP kinh doanh	26	3.500.000	3.500.000	210.000	52.500	35.000	-	3.202.500	
6	LUU MINH CHÂU	NV kinh doanh	26	3.000.000	3.000.000	180.000	45.000	30.000	-	2.745.000	
7	PHẠM CÔNG HOÀNG	NV kinh doanh	26	3.000.000	3.000.000	180.000	45.000	30.000	-	2.745.000	
8	TRỊNH HOÀNG MINH	TP Hành chính	26	3.500.000	3.500.000	210.000	52.500	35.000	-	3.202.500	
9	PHẠM THỊ HƯỜNG	Thủ kho A	26	3.500.000	3.500.000	210.000	52.500	35.000	-	3.202.500	
10	NGUYỄN CAO CƯỜNG	Thủ kho B	26	3.500.000	3.500.000	210.000	52.500	35.000	-	3.202.500	
11	VŨ THỊ THANH VÂN	NV kho vận	26	3.000.000	3.000.000	180.000	45.000	30.000	-	2.745.000	
12	NGUYỄN VĂN THANH	Bảo vệ	26	2.500.000	2.500.000	150.000	37.500	25.000	-	2.287.500	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>42.000.000</b>	<b>42.000.000</b>	<b>2.520.000</b>	<b>630.000</b>	<b>420.000</b>	<b>-</b>	<b>38.430.000</b>	

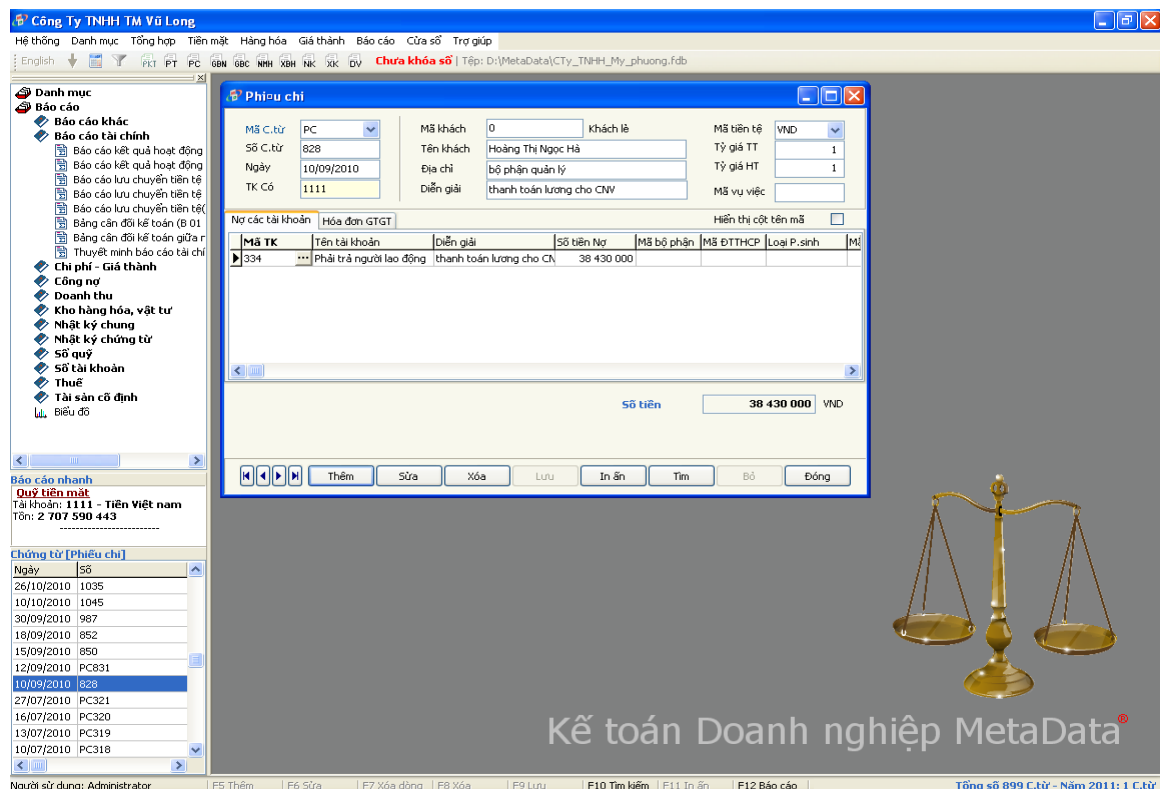
*Số tiền bằng chữ: Ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.*

Người lập

Ngày 10 tháng 09 năm 2010

Giám đốc

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*



Công Ty TNHH TM Vũ Long  
 168 Lê Lai - Máy Chai - Ngõ Quyền - Hải phòng  
 Tel: 0313.523396 - Fax: 0313.523396  
 E-mail: myphuong\_vnhp@yahoo.com

Mẫu số: 02-TT  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## Phiếu chi

Ngày 10 tháng 09 năm 2010  
 Số: 828

Nợ: 334  
 Có: 1111

**Người nhận:** Hoàng Thị Ngọc Hà

**Địa chỉ:** Bộ phận quản lý

**Lý do chi:** thanh toán lương cho CNV

**Số tiền:** 38.430.000

**Bằng chữ:** Ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
 (Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
 (Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
 (Ký, họ tên)

**Biểu số 2.8:**

**Công ty TNHH TM Vũ Long**  
**168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng**

**NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	.....	...	...	...
<b>10/09/10</b>	<b>BTTL T8</b>	<b>10/09/10</b>	<b>Tính lương T8/2010 bộ phận QLDN</b>	<b>6422</b>	<b>334</b>	<b>42.000.000</b>
...	...	...	.....	...	...	...
10/09/10	PC 828	10/09/10	Thanh toán lương bộ phận QLDN T8/2010	334	1111	38.430.000
12/09/10	PC 831	12/09/10	Chi cán bộ PKD đòi nợ tại CTY CP Hùng Vương	811	1111	200.000
...	...	...	.....	...	...	...
<b>18/09/10</b>	<b>HĐ GTGT 36916</b>	<b>18/09/10</b>	<b>Thay main máy tính phòng kế toán</b>	<b>6422</b>	<b>1111</b>	<b>836.364</b>
<b>18/09/10</b>	<b>HĐ GTGT 36916</b>	<b>18/09/10</b>	<b>VAT được khấu trừ Bệnh viện máy tính AVC</b>	<b>133</b>	<b>1111</b>	<b>83.636</b>
...	...	...	.....	...	...	...
30/09/10	GBC 215	30/09/10	Lãi số dư NH Techcombank	1121	515	206.629
30/09/10	HĐ GTGT 87466	30/09/10	Bán SPL cho CTY TNHH Việt Thắng	1121	511	1.155.000.000
30/09/10	HĐ GTGT 87466	30/09/10	VAT đầu ra CTY TNHH Việt Thắng	1121	3331	115.500.000
30/09/10	PXK 105	30/09/10	Giá vốn SPL cty TNHH Việt Thắng	632	156	1.110.000.000
<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>				<b>X</b>	<b>X</b>	<b>9.862.758.516</b>

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*



**Biểu số 2.9:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****SỔ CÁI****Số hiệu TK: 642****Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	.....	...	...	...
<b>10/09/10</b>	<b>BTTL T8</b>	<b>10/09/10</b>	<b>Tính tiền lương T8/2010 cho cán bộ quản lý</b>	<b>334</b>	<b>42.000.000</b>	
...	...	...	.....	...	...	...
<b>18/09/10</b>	<b>HD GTGT 36916</b>	<b>18/09/10</b>	<b>Thay main máy tính phòng kế toán</b>	<b>1111</b>	<b>836.364</b>	
...	...	...	.....	...	...	...
30/09/10	KCH 43	30/09/10	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		54.835.428
			<b>Cộng số phát sinh tháng 9</b>		<b>54.835.428</b>	<b>54.835.428</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_ Năm 2010*

## 2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

### 2.2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh năm 2010 của công ty TNHH TM Vũ Long là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng, hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán sớm.

#### + Tài khoản sử dụng:

TK 515 - *Doanh thu hoạt động tài chính*

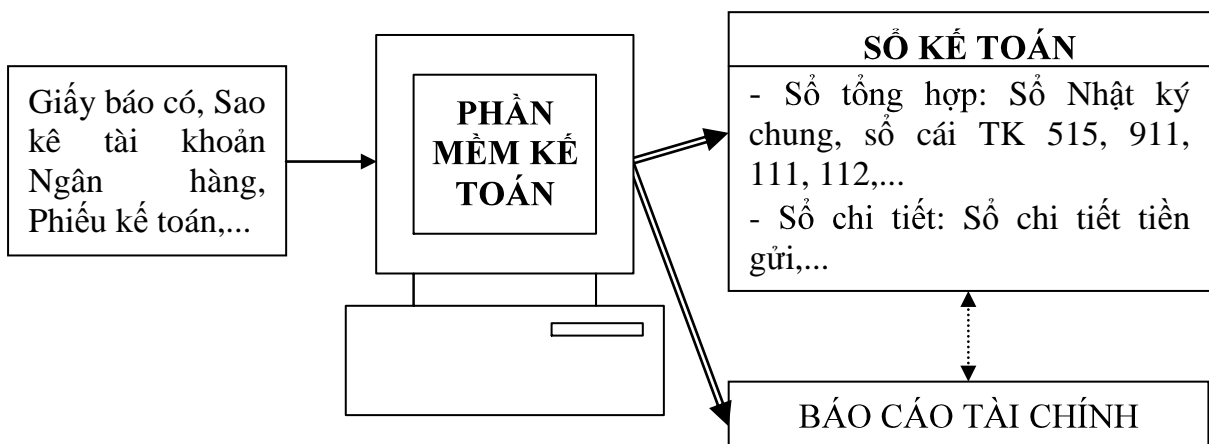
#### + Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Sao kê tài khoản ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu

#### + Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 515

#### + Quá trình hạch toán:

Sơ đồ 2.6:



#### Ghi chú:

- : Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇕ : Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ:**

Ngày 30/09/2010, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam trả lãi tiền gửi cho công ty 6.008 đồng (lãi suất 3%).

Ngày 30/09/2010, Ngân hàng kỹ thương Việt Nam Techcombank trả lãi tiền gửi cho công ty 206.629 đồng.

**Quy trình hạch toán: (Ví dụ ngày 30/09/2010\_ Ngân hàng Techcombank)**

1. Kế toán vào phân hệ **Tiền mặt/Giấy báo có** hoặc biểu tượng **GBC** trên màn hình để lập GBC số 215.

2. Theo chương trình của phần mềm số liệu được tự động chuyển vào các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ quỹ tiền mặt của các tài khoản liên quan như TK 112, 515.

Kế toán vào phân hệ **Báo cáo/Nhật ký chung** xem các sổ sách liên quan, riêng sổ quỹ tiền gửi Ngân hàng kế toán vào phân hệ **Báo cáo/Sổ quỹ/Sổ quỹ TGNH**.

**NGAN HANG DAU TU VA PHAT TRIEN VIET NAM**  
**Chi nhánh: 321 CN NGAN HANG DT&PT HAI PHONG**

**DD INTEREST VOUCHER**

**Ngày: 30/09/2010**

Ten TK: CTY TNHH TM VU LONG

Loại tiền : VND

Tai khoản số: 321-10-00-052348-1

Ngày giao dịch: 30/09/2010

So du TK	Lai suất (%)	
2,889,753.00	3.000000000	6,008.00

**: 6,008.00**

**: SAU NGAN TAM VND CHAN**

Teller

Kiem soat vien

.....

.....

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
HPG-TCB HAI PHONG  
MST: 0100230800-004



Theo công văn số 21208/CT/AC  
Cục thuế Hà Nội

## PHIẾU BÁO CÁO

Trang 1/1

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Kính gửi : CT TNHH TM VU LONG

Số tài khoản : **109.20026585.01.5**

Địa chỉ : SO 168 LE LAI MAY CHAI NGO QUYEN HP

Loại tiền : **VND**

Mã số thuế: 0200596125

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng: 20026585

Số bút hạch toán: 1002002658015-200100125

**Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:**

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	206,629.00
<b>Tổng số tiền</b>	<b>206,629.00</b>

Số tiền bằng chữ : **Hai trăm linh sáu nghìn sáu trăm hai mươi chín VND chẵn**

Trích yếu : Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 09/2010

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

## Màn hình nhập chứng từ:

**Giấy báo Có**

Mã C.từ: GBC | Mã Ng.hàng: T | ngân hàng Techcom | Mã tiền tệ: VND  
 Số C.từ: GBC215 | Mã khách: | Tỷ giá TT: 1  
 Ngày: 30/09/2010 | Tên khách: | Tỷ giá HT: 1  
 TK Nợ: 1121 | Diễn giải: Lãi số dư | Mã vụ việc: |

Có các tài khoản | Hóa đơn GTGT |  | Hiển thị cột tên mã

Mã TK	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Diễn giải	Số tiền Có	Mã D.vụ	Mã Đ.THCP	Loại P.sinh	Mã K.mức
S15	Doanh thu hoạt động tài			Lãi số dư	206 629				

Số tiền: 206 629 VND

Thêm | Sửa | Xóa | Lưu | In ấn | Tìm | Bỏ | Đóng

**Chứng từ [Giấy báo Có]**

Ngày	Diễn giải
30/09/2010	Lãi số dư
29/09/2010	Lãi tài khoản
30/06/2010	Lãi số dư
25/06/2010	Phạm Điều Thuỷ nộp T
31/05/2010	Lãi số dư
25/05/2010	Nộp TM
19/05/2010	Nộp tiền mặt
18/05/2010	Nộp tiền vào TK
10/05/2010	Hoàng Ngọc hà nộp T
29/04/2010	Lãi số dư
08/04/2010	Phạm Điều Thuỷ nộp T

Kế toán Doanh nghiệp MetaData®

Người sử dụng: Administrator | FS Thêm | F6 Sửa | F7 Xóa dòng | F8 Xóa | F9 Lưu | F10 Tìm kiếm | F11 In ấn | F12 Báo cáo | Tổng số 922 C.từ - Năm 2011: 3 C.từ

**Biểu số 2.10:**

**Công ty TNHH TM Vũ Long**  
**168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng**

**NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	.....	...	...	...
10/09/10	BTTL T8	10/09/10	Tính lương T8/2010 bộ phận QLDN	6422	334	42.000.000
...	...	...	.....	...	...	...
18/09/10	HĐ GTGT 36916	18/09/10	Thay main máy tính phòng kế toán	6422	1111	836.364
18/09/10	HĐ GTGT 36916	18/09/10	VAT được khấu trừ_ Bệnh viện máy tính AVC	133	1111	83.636
...	...	...	.....	...	...	...
26/09/10	GBN 198	26/09/10	Phí kiểm đếm tiền NH Techcombank	635	1121	16.500
<b>30/09/10</b>	<b>GBC 212</b>	<b>30/09/10</b>	<b>Lãi số dư NH Đầu tư</b>	<b>1121</b>	<b>515</b>	<b>6.008</b>
<b>30/09/10</b>	<b>GBC 215</b>	<b>30/09/10</b>	<b>Lãi số dư NH Techcombank</b>	<b>1121</b>	<b>515</b>	<b>206.629</b>
30/09/10	HĐ GTGT 87466	30/09/10	Bán SPL cho CTY TNHH Việt Thắng	1121	511	1.155.000.000
30/09/10	HĐ GTGT 87466	30/09/10	VAT đầu ra_CTY TNHH Việt Thắng	1121	3331	115.500.000
30/09/10	PXK 105	30/09/10	Giá vốn SPL cty TNHH Việt Thắng	632	156	1.110.000.000
<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>				<b>X</b>	<b>X</b>	<b>9.862.758.516</b>

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

**Biểu số 2.11:****Công ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****SỔ CÁI****Số hiệu TK: 515****Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
30/09/10	GBC 212	30/09/10	Lãi số dư NH đầu tư và phát triển Hải Phòng	112		<b>6.008</b>
30/09/10	GBC 215	30/09/10	Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi	112		<b>206.629</b>
30/09/10	KCH 38	30/09/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	212.637	
			<b>Cộng số phát sinh tháng 9</b>		<b>212.637</b>	<b>212.637</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*



## 2.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

### ✚ Tài khoản sử dụng:

TK 635 - chi phí hoạt động tài chính

### ✚ Chứng từ sử dụng:

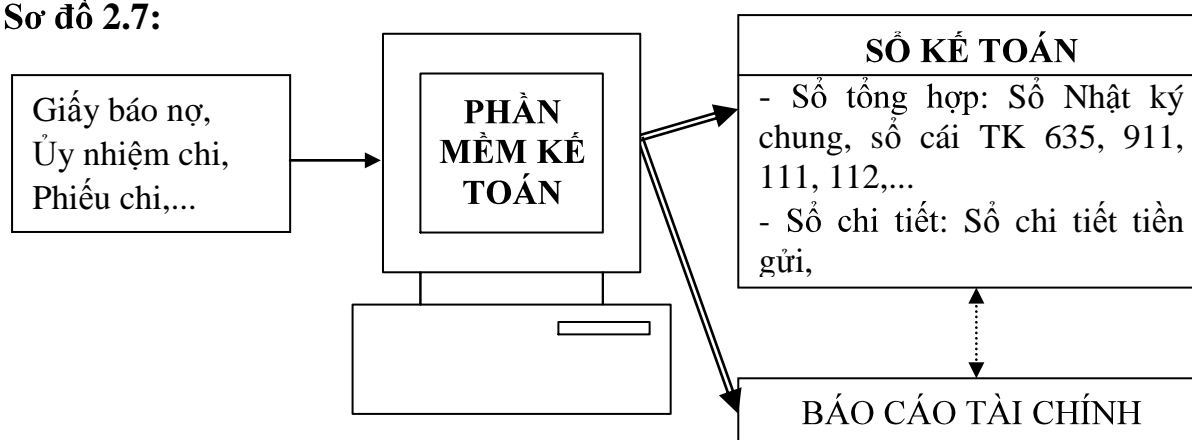
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ

### ✚ Sổ sách sử dụng:

Sổ cái TK 635

### ✚ Quy trình hạch toán:

#### Sơ đồ 2.7:



#### Ghi chú:

- : Nhập số liệu hàng ngày
- ==> : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- <-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

#### Ví dụ:

Ngày 26/08/10 thanh toán phí kiểm đếm tiền tại Ngân hàng Techcombank bằng tiền mặt 16.500 đồng (VAT 10%).

#### Quy trình hạch toán:

1. Kế toán vào phân hệ **Tiền mặt/Giấy báo nợ** hoặc biểu tượng **GBN** trên màn hình để lập GBN số 198.

2. Theo chương trình của phần mềm số liệu được tự động chuyển vào các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ quỹ tiền mặt của các tài khoản liên quan như TK 112, 635

Kế toán vào phân hệ **Báo cáo/Nhật ký chung** xem các sổ sách liên quan.

## PHIẾU BÁO NỢ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Trang 1/1

Ngày 26 tháng 09 năm 2010

Kính gửi : CT TNHH TM VU LONG

Số tài khoản : **109.20026585.01.5**

Địa chỉ : SO 168 LE LAI MAY CHAI NGO QUYEN HP

Loại tiền : **VND**

Mã số thuế: 0200596125

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng: 20026585

Số bút hạch toán: 10920026585015-20100930

**Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:**

Nội dung	Số tiền
PHI KIEM DEM TIEN	15,000.00
Thuê gia tri gia tang phai nop	1,500.00
Tổng phí + VAT	16,500.00
<b>Tổng số tiền</b>	<b>16,500.00</b>

Số tiền bằng chữ:

**Mười sáu nghìn năm trăm VND chẵn**

Trích yếu:

**THU PHI KIEM DEM-CT TNHH TM VU LONG**

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

## Màn hình nhập chứng từ:

**Công Ty TNHH TM Vũ Long**  
 Hệ thống | Danh mục | Tổng hợp | Tiền mặt | Hàng hóa | Giá thành | Báo cáo | Cửa sổ | Trợ giúp  
 English | PC | GBN | GBC | NHM | XHM | NK | XK | DV | Chưa khóa sổ | Tệp: \\Ketoan\d\MetaData\CTy\_TNHH\_My\_phuong.fdb

**Báo cáo**

- ▶ Báo cáo khác
  - ▶ Báo cáo tài chính
    - ▶ Báo cáo kết quả hoạt độ
    - ▶ Báo cáo kết quả hoạt độ
    - ▶ Báo cáo lưu chuyển tiền
    - ▶ Báo cáo lưu chuyển tiền
    - ▶ Bảng cân đối kế toán (B1)
    - ▶ Bảng cân đối kế toán giữ
    - ▶ Thuyết minh báo cáo tài
  - ▶ Chi phí - Giá thành
  - ▶ Công nợ
  - ▶ Doanh thu
  - ▶ Khn hàng hóa, vật tư

**Giấy báo Nợ**

Mã C.từ: GEN | Mã Ng.hàng: T | ngân hàng Techcon | Mã tiền tệ: VND

Số C.từ: GBN198 | Mã khách: | Tỷ giá TT: 1

Ngày: 26/09/2010 | Tên khách: | Tỷ giá HT: 1

TK Có: 1121 | Diễn giải: Thu phí kiểm đếm | Mã vụ việc: |

Nợ các tài khoản | Hóa đơn GTGT |  | Hiển thị cột tên mã

Mã TK	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Diễn giải	Số tiền Nợ	Mã D.vụ	Mã ĐTTHCP	Mã K.mục phí	Mã TSCĐ	Mã Ng.
635	Chi phí tài chính			Thu phí kiểm đếm	16 500					

Số tiền:  VND


**Báo cáo nhanh**

**Tiền gửi**

Ngân hàng: T - ngân hàng Techcom  
 Tài khoản: 1121 - Tiền Việt Nam  
 Tôn: 253 212

**Chứng từ [Giấy báo Nợ]**

Ngày	Diễn giải
27/09/2010	phi chuyển tiền
26/09/2010	Thu phí kiểm đếm
30/06/2010	Phí số dư
25/06/2010	Thu nợ gốc
25/06/2010	Thu nợ lãi
25/06/2010	Phí chuyển tiền
25/06/2010	Thanh toán tiền sửa d
25/06/2010	Thu phí kiểm đếm
08/06/2010	Thu nợ gốc
08/06/2010	Thu nợ lãi
31/05/2010	Phí số dư



**Kế toán Doanh nghiệp MetaData®**

Người sử dụng: Administrator | F5 Thêm | F6 Sửa | F7 Xóa dòng | F8 Xóa | F9 Lưu | F10 Tìm kiếm | F11 In ấn | F12 Báo cáo | Tổng số 922 C.từ - Năm 2011: 3 C.từ

**Biểu số 2.12:**

**Công ty TNHH TM Vũ Long**  
**168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng**

**NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	.....	...	...	...
10/09/10	BTTL T8	10/09/10	Tính lương T8/2010 bộ phận QLDN	6422	334	42.000.000
...	...	...	.....	...	...	...
18/09/10	HĐ GTGT 36916	18/09/10	Thay main máy tính phòng kế toán	6422	1111	836.364
18/09/10	HĐ GTGT 36916	18/09/10	VAT được khấu trừ_ Bệnh viện máy tính AVC	133	1111	83.636
...	...	...	.....	...	...	...
<b>26/09/10</b>	<b>GBN 198</b>	<b>26/09/10</b>	<b>Phí kiểm đếm tiền NH Techcombank</b>	<b>635</b>	<b>1121</b>	<b>16.500</b>
30/09/10	GBC 212	30/09/10	Lãi số dư NH Đầu tư	1121	515	6.008
30/09/10	GBC 215	30/09/10	Lãi số dư NH Techcombank	1121	515	206.629
30/09/10	HĐ GTGT 87466	30/09/10	Bán SPL cho CTY TNHH Việt Thắng	1121	511	1.155.000.000
30/09/10	HĐ GTGT 87466	30/09/10	VAT đầu ra_CTY TNHH Việt Thắng	1121	3331	115.500.000
30/09/10	PXK 105	30/09/10	Giá vốn SPL cty TNHH Việt Thắng	632	156	1.110.000.000
<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>				<b>X</b>	<b>X</b>	<b>9.862.758.516</b>

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

**Biểu số 2.13:****Công ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****SỔ CÁI****Số hiệu TK: 635****Tên tài khoản: Chi phí tài chính****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	.....	...	...	...
18/09/10	GBN 196	18/09/10	Phí kiểm đếm tiền tại NH BIDV	111	113.500	
<b>26/09/10</b>	<b>GBN 198</b>	<b>26/09/10</b>	<b>Phí kiểm đếm tiền tại NH Techcombank</b>	<b>111</b>	<b>16.500</b>	
30/09/10	KC 85	30/09/10	Kết chuyển chi phí tài chính	911		1.653.248
			<b>Cộng số phát sinh tháng 9</b>		<b>1.653.248</b>	<b>1.653.248</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

### 2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác

#### 2.2.3.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác

✚ **Tài khoản sử dụng:** TK 711 - *Thu nhập khác*

✚ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

✚ **Sổ sách sử dụng:** Sổ cái TK 711

*Nội dung thu nhập khác tại công ty:*

Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

*Trong năm 2010, công ty không phát sinh khoản thu nhập khác.*

#### 2.2.3.2. Tổ chức kế toán chi phí khác

✚ **Tài khoản sử dụng:** TK 811: "*Chi phí khác*"

✚ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, Phiếu kế toán

✚ **Sổ sách sử dụng**

Sổ cái TK 811

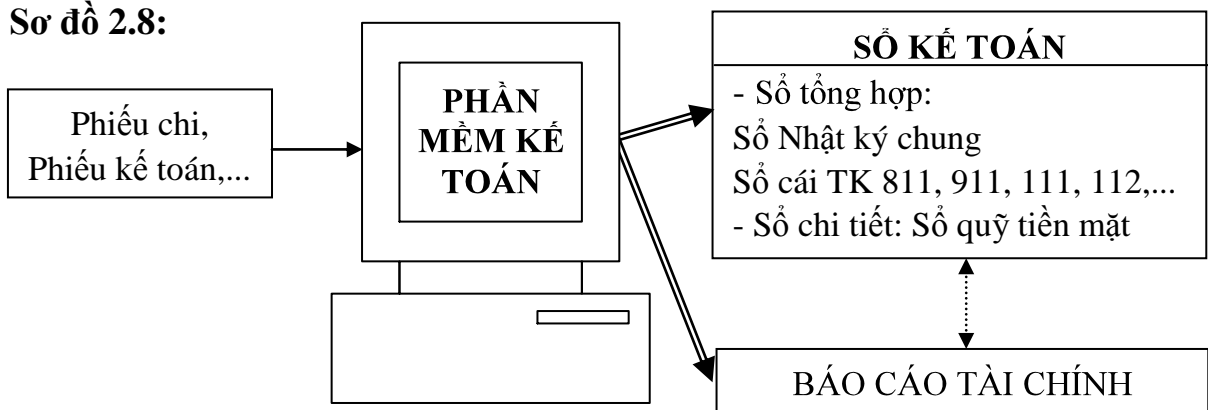
*Nội dung chi phí khác tại công ty:*

- Chi phí đi đòi nợ
- Chi khắc phục sự cố cháy nổ
- Chi biếu tặng
- Chi phí thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ

*Trong năm 2010, tại công ty phát sinh khoản chi phí đi đòi nợ, chi biếu tặng.*

✚ **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.8:



## Ghi chú:

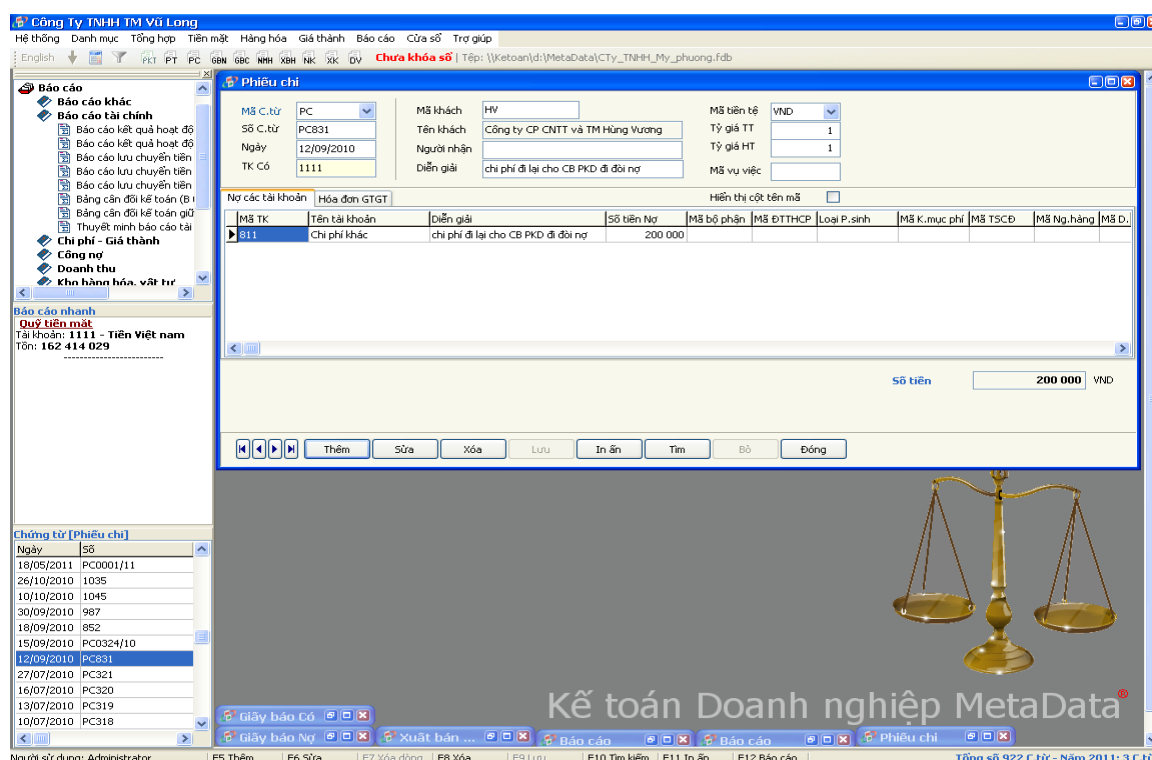
- : Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇔ : Đối chiếu, kiểm tra

## Ví dụ:

Ngày 18/09/2010, công ty cử nhân viên Trịnh Hoàng Minh đi đòi nợ công ty CP Công nghiệp Tàu thủy và Thương mại Hùng Vương, chi phí xăng xe là 200.000 đồng chi bằng tiền mặt.

## Quy trình hạch toán:

1. Kê toán vào phân hệ **Tiền mặt/Phiếu chi tiền mặt** hoặc ấn biểu tượng **PC** trên màn hình để lập phiếu chi số 831.
  2. Theo chương trình của phần mềm số liệu được tự động chuyển vào các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ quỹ tiền mặt của các tài khoản liên quan như TK 111, 811
- Kê toán vào phân hệ **Báo cáo/Nhật ký chung** xem các sổ sách liên quan.



Công Ty TNHH TM Vũ Long  
168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng  
Tel: 0313.523396 - Fax: 0313.523396  
E-mail: myphuong\_vnhp@yahoo.com

Mẫu số: 02-TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## Phiếu chi

Ngày 18 tháng 09 năm 2010  
Số 831

Nợ: 811  
Có: 1111

**Người nhận:** Trịnh Hoàng Minh

**Địa chỉ:** Phòng kinh doanh

**Lý do chi:** Chi tiền xăng xe đi đòi nợ công ty CP Công nghiệp Tàu thủy và  
Thương mại Hùng Vương

**Số tiền:** 200 000

**Bằng chữ:** Hai trăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.14:**

**Công ty TNHH TM Vũ Long**  
**168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng**

**NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	.....	...	...	...
10/09/10	BTTL T8	10/09/10	Tính lương T8/2010 bộ phận QLDN	6422	334	42.000.000
...	...	...	.....	...	...	...
10/09/10	PC 828	10/09/10	Thanh toán lương bộ phận QLDN T8/2010	334	1111	38.430.000
<b>12/09/10</b>	<b>PC 831</b>	<b>12/09/10</b>	<b>Chi cán bộ PKD đòi nợ tại CTY CP Hùng Vương</b>	<b>811</b>	<b>1111</b>	<b>200.000</b>
...	...	...	.....	...	...	...
26/09/10	GBN 198	26/09/10	Phí kiểm đếm tiền NH Techcombank	635	1121	16.500
30/09/10	GBC 212	30/09/10	Lãi số dư NH Đầu tư	1121	515	6.008
30/09/10	GBC 215	30/09/10	Lãi số dư NH Techcombank	1121	515	206.629
30/09/10	HĐ GTGT 87466	30/09/10	Bán SPL cho CTY TNHH Việt Thắng	1121	511	1.155.000.000
30/09/10	HĐ GTGT 87466	30/09/10	VAT đầu ra CTY TNHH Việt Thắng	1121	3331	115.500.000
30/09/10	PXK 105	30/09/10	Giá vốn SPL cty TNHH Việt Thắng	632	156	1.110.000.000
<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>				<b>X</b>	<b>X</b>	<b>9.862.758.516</b>

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

**Biểu số 2.15:**

**Công ty TNHH TM Vũ Long**

**168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng**

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 811**

**Tên tài khoản: Chi phí khác**

**Năm 2010**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
18/09/10	PC 831	18/09/10	Chi tiền đi lại cho cán bộ PKD đòi nợ công ty CP CNTT&TM Hùng Vương	111	200.000	
30/09/10	KCH 39	30/09/10	Kết chuyển chi phí tài chính	911		200.000
			<b>Cộng số phát sinh tháng 9</b>		<b>200.000</b>	<b>200.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

## 2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

### + Tài khoản sử dụng:

TK 911 - *Xác định kết quả kinh doanh*

Các TK liên quan khác:

TK 821 - *Chi phí thuế TNDN*

TK 421 - *Lợi nhuận chưa phân phối*

### + Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán

### + Sổ sách sử dụng:

Sổ cái TK 911, 821, 421

### + Quy trình hạch toán:

1. Cuối tháng hoặc cuối kỳ, sau khi cập nhật hết các chứng từ phát sinh ngày cuối tháng hoặc cuối kỳ, phần mềm sẽ tự động kết chuyển, để kiểm tra kết chuyển kế toán xem sổ chi tiết TK 911, để xem chi tiết từng TK kế toán vào phân hệ ***Báo cáo/Sổ tài khoản/Sổ chi tiết tài khoản***.
2. Kế toán vào phân hệ ***Báo cáo/Nhật ký chung*** để xem các sổ sách liên quan như sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.

### Ví dụ:

Tính thuế TNDN phải nộp và xác định kết quả kinh doanh trong năm 2010.

### Quy trình hạch toán:

1. Cuối ngày 30/09/2010, sau khi cập nhật hết các chứng từ phát sinh ngày 30/09/2010, phần mềm sẽ tự động kết chuyển, để kiểm tra kế toán xem sổ chi tiết TK 911, để xem chi tiết từng TK kế toán vào phân hệ Báo cáo/Sổ tài khoản/Sổ chi tiết tài khoản.
2. Kế toán vào phân hệ Báo cáo/Nhật ký chung để xem các sổ sách liên quan như sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.

# Màn hình nhập chứng từ:

**Công Ty TNHH TM Vũ Long** [Bảo cáo]

Hệ thống | Danh mục | Tổng hợp | Tiền mặt | Hàng hóa | Giá thành | Báo cáo | Cửa sổ | Trợ giúp

English | PKT | PT | PC | GBN | GBC | NHH | XBN | NK | XK | DV | Chưa khóa số | Tệp: \\ketoan\d\MetaData\CTy\_TNHH\_My\_phuong.fdb

**Báo cáo**

- Báo cáo khác
- Báo cáo tài chính**
  - Báo cáo kết quả hoạt động
  - Báo cáo kết quả hoạt độ
  - Báo cáo lưu chuyển tiền
  - Báo cáo lưu chuyển tiền
  - Bảng cân đối kế toán (B01)
  - Bảng cân đối kế toán giữ
  - Thuyết minh báo cáo tài
- Chi phí - Giá thành
- Công nợ
- Doanh thu
- Kho hàng hóa, vật tư

Báo cáo nhanh

Quý tiền mặt

Tài khoản: 1111 - Tiền Việt nam

Tên: 162 414 029

**Tìm và lọc chứng từ**

Mã C.từ: KCH | Mã tiền tệ: | Mã K.mục phí: |

Từ ngày: 01/09/2010 | Mã tài khoản: | Mã bộ phận: |

Đến ngày: 30/09/2010 | Mã khách: | Mã ĐTTTCP: |

Số C.từ: | Diễn giải chứa: |

Số tiền: | Đến: |

Hiện thi cột tên mã

Ngày	Số C.từ	Diễn giải	Mã TK	Mã khách	Số tiền Nợ	Số tiền Có	Mã K.mục phí	Mã bộ phận	Mã DT
30/09/2010	KCH0041/10	Xác định lãi (ổ)	911		57 439 226				
		Xác định lãi (ổ)	4212			57 439 226			
30/09/2010	KCH0042/10	xác định thuế	33311		222 757 692				
		xác định thuế	1331			222 757 692			
30/09/2010	KCH0043/10	Xác định kết quả kinh doanh	6422			54 835 248			
		Xác định kết quả kinh doanh	911		54 835 248				
30/09/2010	KCH0044/10	Xác định kết quả kinh doanh	811			200 000			
		Xác định kết quả kinh doanh	911		200 000				
30/09/2010	KCH0037/10	Kết chuyển Doanh thu bán hàng hoá	5111		3 300 153 839				
		Kết chuyển Doanh thu bán hàng hoá	911			3 300 153 839			
30/09/2010	KCH0038/10	Kết chuyển Doanh thu tài chính	515		212 637				
		Kết chuyển Doanh thu tài chính	911			212 637			
30/09/2010	KCH0039/10	Kết chuyển Chi phí tài chính	635			1 653 248			
		Kết chuyển Chi phí tài chính	911		1 653 248				
30/09/2010	KCH0040/10	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	632			3 186 238 754			
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911		3 186 238 754				

Người sử dụng: Administrator | F5 Thêm | F6 Sửa | F7 Xóa đồng | F8 Xóa | F9 Lưu | F10 Tìm kiếm | F11 In ấn | F12 Báo cáo | Tổng số 922 C.từ - Năm 2011: 3 C.từ

**Công Ty TNHH TM Vũ Long** [Bảo cáo]

Hệ thống | Danh mục | Tổng hợp | Tiền mặt | Hàng hóa | Giá thành | Báo cáo | Cửa sổ | Trợ giúp

English | PKT | PT | PC | GBN | GBC | NHH | XBN | NK | XK | DV | Chưa khóa số | Tệp: \\ketoan\d\MetaData\CTy\_TNHH\_My\_phuong.fdb

**Danh mục**

- Báo cáo
- Báo cáo khác
- Báo cáo tài chính**
  - Báo cáo kết quả hoạt động
  - Báo cáo kết quả hoạt động
  - Báo cáo lưu chuyển tiền
  - Báo cáo lưu chuyển tiền
  - Bảng cân đối kế toán (B01)
  - Bảng cân đối kế toán giữ
  - Thuyết minh báo cáo tài
- Chi phí - Giá thành
- Công nợ
- Doanh thu
- Kho hàng hóa, vật tư
- Nhật ký chung
- Nhật ký chứng từ
- Sổ quỹ
- Sổ tài khoản
- Thuế
- Tài sản cố định
- Điều độ

Báo cáo nhanh

Quý tiền mặt

Tài khoản: 1111 - Tiền Việt nam

Tên: 162 414 029

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tháng 9 Năm 2010

Chứng từ	Ngày	Số	TK	Khách hàng		Diễn giải	TK đ/ứ	Nợ	Có	Khoản mục			
				Mã	Tên					Mã	Tên	Mã	
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	
1													
2	30/09/2010	KCH0037/10	911			Kết chuyển Doanh thu bán hàng hoá	5111		3 300 153 839				
3	30/09/2010	KCH0038/10	911			Kết chuyển Doanh thu tài chính	515		212 637				
4	30/09/2010	KCH0039/10	911			Kết chuyển Chi phí tài chính	635	1 653 248					
5	30/09/2010	KCH0040/10	911			Kết chuyển Giá vốn hàng bán	632	3 186 238 754					
6	30/09/2010	KCH0043/10	911			Xác định kết quả kinh doanh	6422	54 835 248					
7	30/09/2010	KCH0044/10	911			Xác định kết quả kinh doanh	811	200 000					
8	30/09/2010	KCH0041/10	911			Xác định lãi (ổ)	4212	57 439 226					
9	<b>Tổng cộng phát sinh</b>									<b>3 300 366 476</b>	<b>3 300 366 476</b>		
10	<b>Lũy kế</b>									<b>3 300 366 476</b>	<b>3 300 366 476</b>		
11	<b>Số dư cuối</b>												

Người sử dụng: Administrator | F5 Thêm | F6 Sửa | F7 Xóa đồng | F8 Xóa | F9 Lưu | F10 Tìm kiếm | F11 In ấn | F12 Báo cáo | Tổng số 922 C.từ - Năm 2011: 3 C.từ

**Biểu số 2.16:**

**Công ty TNHH TM Vũ Long**  
**168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng**

**NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
Số trang trước chuyển sang				x	x	...
...	...	...	.....	...	...	...
30/09/10	KCH 37	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	3.300.153.839
30/09/10	KCH 38	30/09/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	212.637
30/09/10	KCH 39	30/09/10	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	1.653.248
30/09/10	KCH 40	30/09/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.186.238.754
30/09/10	KCH 43	30/09/10	Kết chuyển chi phí QL kinh doanh	911	642	54.835.248
30/09/10	KCH 44	30/09/10	Kết chuyển chi phí khác	911	811	200.000
30/09/10	KCH 41	30/09/10	Xác định lãi	911	421	57.439.226
Cộng chuyển sang trang sau				x	x	20.285.296.353

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

**Biểu số 2.17:****Công ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****SỔ CÁI****Số hiệu TK: 911****Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
30/09/10	KCH 37	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		3.300.153.839
30/09/10	KCH 38	30/09/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		212.637
30/09/10	KCH 39	30/09/10	Kết chuyển chi phí tài chính	635	1.653.248	
30/09/10	KCH 40	30/09/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3.186.238.754	
30/09/10	KCH 43	30/09/10	Kết chuyển chi phí QL kinh doanh	642	54.835.248	
30/09/10	KCH 44	30/09/10	Kết chuyển chi phí khác	811	200.000	
30/09/10	KCH 41	30/09/10	Xác định lãi	421	57.439.226	
			<b>Cộng số phát sinh tháng 9</b>		<b>3.300.366.476</b>	<b>3.300.366.476</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

## CHƯƠNG 3

# HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VŨ LONG

### 3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Vũ Long

Sau hơn 5 năm hình thành và phát triển, công ty TNHH Thương mại Vũ Long đã tạo cho mình chỗ đứng trên thị trường mặc dù những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít những khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Trong những năm qua doanh thu và lợi nhuận của công ty đều tăng, thị trường ngày càng được mở rộng và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được những thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

#### 3.1.1. Đánh giá chung

Công ty TNHH TM Vũ Long là một công ty có uy tín lớn. Công ty có chế độ khen thưởng phù hợp, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra hàng năm công ty tổ chức các chuyến thăm quan cho cán bộ công nhân viên góp phần tăng thêm gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với công ty.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý như giúp doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra

những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

### **3.1.2. Những ưu điểm**

#### **3.1.2.1. Đối với công tác kế toán nói chung**

Nhìn chung công tác kế toán của công ty đã đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng nhu cầu hạch toán, phản ánh đợc tình hình sử dụng lao động, tiền vốn... Công ty đã tiến hành quản lý và đánh giá doanh thu, tập hợp đầy đủ các khoản chi phí mà nhờ đó xác định đợc kết quả kinh doanh ở từng thời điểm, Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bộ máy kế toán đợc tổ chức theo hình thức tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều đợc gửi lên phòng kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán đợc thực hiện một cách thống nhất. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với trình độ và năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hóa, đồng thời các nhân viên kế toán có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán đợc tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời.

#### **3.1.2.2. Hình thức, chứng từ và sổ sách kế toán áp dụng**

##### **Hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung đợc tổ chức, xử lý và ghi chép trên phần mềm *kế toán Meta Data* phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy Meta Data đảm bảo tính rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận, xử lý thông tin, đồng thời cùng với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ tìm, dễ thấy và cho phép người sử dụng in ra các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý.

Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra, phần mềm đợc thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị



điều hành.

#### **✚ Chứng từ kế toán:**

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính). Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng. Nhìn chung, những thông tin kinh tế đã được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ cẩn thận, thuận lợi cho việc tìm kiếm đối chiếu số liệu.

#### **✚ Về tổ chức bộ sổ kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính phù hợp với yêu cầu quản lý và quy mô của công ty, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế. Hệ thống sổ sách của công ty hoàn chỉnh, gọn nhẹ, có độ tin cậy cao. Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước.

Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách dùng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

*Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại đơn vị.*

### **3.1.2.3. Công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **- Về tổ chức kế toán doanh thu:**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên

tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- ***Về công tác kế toán chi phí:***

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- ***Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:***

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

### **3.1.3. Những hạn chế**

Trong những năm hình thành và phát triển cho đến nay, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và công ty đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với những mặt ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những mặt tồn tại hạn chế cần khắc phục như:

- Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu . Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.
- Công ty chưa quan tâm nhiều đến chính sách quảng cáo, Ngân sách cho quảng cáo còn hạn hẹp.

- Hiện nay công ty chỉ có một cửa hàng đây là mặt hạn chế của công ty trong việc đẩy mạnh mạng lưới tiêu thụ.
- Các khoản phải thu có xu hướng giảm nhưng vẫn khiến cho tỷ trọng các khoản phải thu còn cao trong tổng tài sản lưu động. Điều này làm nguồn vốn của công ty bị ứ đọng. Tình trạng bị chiếm dụng vốn do tỷ trọng các khoản phải thu ngắn hạn cao sẽ gây khó khăn cho công ty trong việc thanh toán. Tiếp nữa là công ty luôn phải đi vay để tiếp tục hoạt động kinh doanh, trả lãi vay trong khi có vốn nhưng không sử dụng được, đây là một điều rất bất hợp lý. Bên cạnh đó do bị khách hàng chiếm dụng vốn nên doanh nghiệp không có lượng tiền mặt nhiều để mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ điều này có ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- Mặc dù có quy trình rõ ràng nhưng do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ nên việc lập bảng kê hóa đơn thực xuất được chuyển lên phòng kế toán thường bị chậm, có khi thủ kho để dồn đến cuối tháng mới chuyển cho phòng kế toán nên vào cuối tháng lượng công việc của kế toán là rất nhiều, dễ xảy ra nhầm lẫn.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại Công ty TNHH TM Vũ Long**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Vũ Long**

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Vũ Long chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy nên tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

### **3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại công ty TNHH TM Vũ Long**

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại Công ty như sau:

#### **3.2.2.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách ưu đãi**

##### **a, Cơ sở kiến nghị**

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng các chính sách chiết khấu ở những khách hàng lớn, quen thuộc.

## **b, Nội dung của kiến nghị**

### **+ Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty nên xây dựng chính sách chính sách chiết khấu thương mại phù hợp từng loại mặt hàng, với tình hình tiêu thụ tại công ty nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, thu hút thêm nhiều khách hàng.

#### **Cách thực hiện:**

- Công ty có thể xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng dựa trên sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường.
- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành trên thị trường.

*Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:*

**Đối với khách hàng thường xuyên:** ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

**Đối với khách hàng lần đầu:** có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại và do kinh nghiệm còn hạn chế sau khi tham khảo mức chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành. Em xin đưa mức chiết khấu của Công ty TNHH TM Vũ Long và áp dụng chiết khấu này vào ví dụ như sau:

#### **Với tổng hóa đơn bán hàng trong năm của một khách hàng đạt được:**

- Từ 600 tấn - 800 tấn phế liệu / 1 năm : chiết khấu 0.5%
- Từ 800 tấn / 1 năm trở lên : chiết khấu 2%

#### **Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:**

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản **5211 "Chiết khấu thương mại"**. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chi hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

**Phương pháp hạch toán như sau:**

1. Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 5211 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

2. Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 - Chiết khấu thương mại

**Ví dụ:**

Giả sử T12/2010 công ty áp dụng mức chiết khấu nói trên. Theo đó, vào ngày 31/12/2010 kế toán vào phân hệ **Báo cáo/ Sổ thẻ hàng hóa/ Tổng hợp xuất bán hàng (nhóm khách hàng)** để xem tổng số lượng phé liệu mỗi khách hàng đã mua và từ đó làm căn cứ chi chiết khấu thương mại cho khách hàng.

Dựa trên Bảng Tổng hợp xuất bán hàng (nhóm khách hàng) công ty sẽ cho công ty TNHH KD phé liệu Hoàng Cường (30 Hồ Đá - Sở Dầu - Ngô Quyền - HP) hưởng chiết khấu thương mại 2% trên tổng giá thanh toán.

**Biểu số 3.1:****Công ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****BẢNG TỔNG HỢP XUẤT BÁN HÀNG THEO NHÓM KHÁCH HÀNG**

Hàng hóa: Sắt phế liệu

Đơn vị tính: kg

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn giải	Mã kho HH	Mã NX	Số lượng	Giá vốn	Thành tiền
Ngày, tháng	số						
<i>Công ty TNHH KD phế liệu Hoàng Cường</i>							
...	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/03/2010	88602	Bán sắt phế liệu	A	131	250.000	7.700	1.925.000.000
28/05/2010	88636	Bán sắt phế liệu	A	112	50.000	7.500	375.000.000
...	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
05/11/2010	94946	Bán sắt phế liệu	B	131	80.000	7.350	588.000.000
08/11/2010	94948	Bán sắt phế liệu	A	131	150.000	7.700	1.155.000.000
...	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Tổng cộng</b>					<b>895.000</b>		<b>6.802.000.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký tên)

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

Như vậy số tiền chiết khấu thương mại mà công ty TNHH KD phé liệu Hoàng Cường được hưởng là:

$$\text{Số tiền chiết khấu} = 2\% \times (6.802.000.000 \times 1,1)$$

$$\Leftrightarrow \text{Số tiền CK} = 2\% \times 7.482.200.000$$

$$\text{Số tiền CK} = 149.644.000 \text{ (đồng)}$$

**Định khoản như sau:**

Nợ TK 5211: 136.040.000

Nợ TK 3331: 13.604.000

Có TK 112: 149.644.000

Nợ TK 511: 136.040.000

Có TK 5211: 136.040.000

1. Sau khi tính toán được số tiền chiết khấu thương mại, kế toán vào phân hệ **Tiền mặt** để lập phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi hoặc vào phân hệ **Tổng hợp/ Phiếu kế toán** để lập **Phiếu kế toán** (Nếu ghi giảm nợ phải thu khách hàng).
2. Phần mềm tự động cập nhật kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK511. Kế toán vào phân hệ **Báo cáo/ Nhật ký chung** để đọc và in các sổ sách liên quan

**✚ Chiết khấu thanh toán**

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như: nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn thì sẽ áp dụng chiết khấu bao nhiêu phần trăm trên tổng giá thanh toán tại thời điểm đó, mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng có thể được xác định dựa vào: tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay của công ty, số tiền mua hàng phát sinh hoặc thời gian thanh toán tiền hàng. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty.

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK **635: "chi phí hoạt động tài chính"**.



- Công ty có thể tham khảo chính sách CK thanh toán của DN cùng ngành. Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp. Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể:

- Nếu khách hàng thanh toán từ 1 đến 5 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu 1.5%
- Nếu khách hàng TT tiền từ 6 đến 10 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu 1%.
- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ 11 đến 15 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.5%.

### **Phương pháp hạch toán**

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán hạch toán:

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK111, 112, 131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho KH

*Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:*

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

### **c, Lợi ích của kiến nghị**

- Thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.
- Nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, thu hút thêm nhiều khách hàng.

### **Ví dụ:**

Dựa vào sổ chi tiết TK131 đối tượng công ty TNHH TM cơ khí Nam Long (thôn Vân Tra - An Đồng - An Dương - HP). Đối với hợp đồng bán thép phế liệu theo hóa đơn 0087482 ngày 16/10/2010 tổng số tiền thanh toán là

633.600.000 đồng ( bao gồm VAT 10%) . Công ty TNHH TM cơ khí Nam Long đã thanh toán vào ngày 22/10/2010 số tiền 633.600.000 đồng.

Công ty TNHH TM cơ khí Nam Long thanh toán đầy đủ tiền hàng sau 06 ngày kể từ ngày nhận hàng nên công ty TNHH TM cơ khí Nam Long được hưởng chiết khấu thanh toán 1%

Số tiền CK = 633.600.000 x 1% = 6.336.000 (đồng)

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 6.336.000

Có TK 111: 6.336.000

*Cuối tháng kế toán kết chuyển chi phí tài chính như sau:*

Nợ TK 911: 6.336.000

Có TK 635: 6.336.000

### Màn hình nhập chứng từ:

**Giấy báo Có**

Mã C.từ: GBC  
Số C.từ: GBC225  
Ngày: 22/10/2010  
TK Nợ: 1121

Mã Ng.hàng: T (ngân hàng Techcom)  
Mã khách: NL  
Tên khách: Công ty TNHH Cơ khí TM Nam Long  
Diễn giải: thanh toán tiền thép

Mã tiền tệ: VND  
Tỷ giá TT: 1  
Tỷ giá HT: 1  
Mã vụ việc:

Có các tài khoản Hòa đơn GTGT

Mã TK	Tên tài khoản	Diễn giải	Số tiền Có	Mã D.vụ	Mã ĐTHCP	Loại P.sinh
131	Phải thu của khách hàng	thanh toán tiền thép	633 600 000			

Số tiền: 633 600 000 VND

Thêm Sửa Xóa Lưu In ấn Tìm Bỏ Đóng

Người sử dụng: Administrator F5 Thêm F6 Sửa F7.Xóa dòng F8.Xóa F9.Lưu F10.Tìm kiếm F11.In ấn F12.Báo cáo Tổng số 903 C.từ - Năm 2011: 2 C.từ

Công Ty TNHH TM Vũ Long  
168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng  
Tel: 0313.523396 - Fax: 0313.523396  
E-mail: myphuong\_vnhp@yahoo.com

Mẫu số: 02-TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## Phiếu chi

Ngày 22 tháng 10 năm 2010  
Số: 865

Nợ: 635  
Có: 1111

s

**Người nhận:** Công ty TNHH TM cơ khí Nam Long

**Địa chỉ:** thôn Vân Tra - An Đồng - An Dương - HP

**Lý do chi:** chi chiết khấu thanh toán 1%

**Số tiền:** 6.336.000

**Bằng chữ:** Sáu triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

**Biểu số 3.2:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng**

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**  
**Tài khoản 131: Phải thu khách hàng**  
**Công ty TNHH TM cơ khí Nam Long**  
**Năm 2010**

Số dư đầu kỳ:

Phát sinh nợ :

Phát sinh có :

Dư cuối kỳ :

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
...	...	.....	...	...	...	...
81829	18/08/2010	Thu tiền hàng	511	463.780.000		
81829	18/08/2010	Thuế gtgt phải nộp	3331	46.378.000		
87475	02/10/2010	Thu tiền hàng	511	54.680.000		
87475	02/10/2010	Thuế gtgt phải nộp	3331	5.468.000		
87482	16/10/2010	Thu tiền hàng	511	576.000.000		
87482	16/10/2010	Thuế gtgt phải nộp	3331	57.600.000		
<b>GBC225</b>	<b>22/10/2010</b>	<b>Thanh toán tiền hàng ngày 16/10</b>	<b>112</b>		<b>633.600.000</b>	<b>CK 1%</b>
...	...	.....	...	...	...	...
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.785.763.500</b>	<b>1.785.763.500</b>	

**Biểu số 3.3:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****SỔ CÁI****Số hiệu TK: 635****Tên tài khoản: Chi phí tài chính****Năm 2010***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	.....	...	...	...
22/10/10	PC 865	22/10/10	Chi CK thanh toán 1% Công ty TNHH TM cơ khí Nam Long	1111	6.336.000	
...	...	...	.....	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh tháng 10</b>		<b>8.752.595</b>	<b>8.752.595</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

### **3.2.2.2. Kiến nghị 2: Tăng cường công tác quảng cáo, xúc tiến bán hàng**

#### **a, Cơ sở biện pháp**

Trên thị trường hiện nay thực tế cho thấy cầu thì ít mà cung lại nhiều dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cùng ngành cạnh tranh với nhau rất gay gắt. Mỗi đối thủ đều tạo dựng cho mình một chỗ đứng trên thị trường và không ngừng nâng cao uy tín. Công ty TNHH TM Vũ Long cũng không ngoại lệ, để giữ được chỗ đứng trên thị trường Hải Phòng và tiến đến cạnh tranh giành thị phần của các đối thủ cạnh tranh Công ty cần tiến hành củng cố vị thế và nâng cao uy tín của mình trên thương trường.

Vì vậy việc tiến hành hoạt động quảng cáo, xúc tiến bán hàng sẽ giúp công ty đi trước một bước trong việc tìm những khách hàng tiềm năng để cung ứng sản phẩm khi họ có nhu cầu, đồng thời xây dựng và giữ gìn được mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống đảm bảo cho sự phát triển của công ty.

#### **b, Nội dung của biện pháp**

Công tác quảng cáo cần được chú ý hơn nữa: Việc quảng cáo phải được thực hiện một cách chọn lọc kỹ càng để giúp cho việc truyền bá thông tin về sản phẩm, về doanh nghiệp đến người tiêu dùng một cách ấn tượng, dễ hiểu nhất. Đồng thời chi phí quảng cáo phải tiết kiệm triệt để nhằm không đội giá của sản phẩm lên cao...

Công ty cần tiến hành lựa chọn những phương thức quảng cáo hữu hiệu. Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh công ty có thể áp dụng các công cụ marketing sau:

- Marketing bằng catalog

Thông qua catalog, công ty có thể giới thiệu cho khách hàng các thông tin về DN, về sản phẩm của doanh nghiệp mình qua các mẫu hàng kèm theo, gửi quà biếu cho khách hàng tốt nhất và dành lợi nhuận cho những công việc từ thiện.

Khi thực hiện biện pháp này, công ty cần xác định rõ địa điểm đưa catalog đến tay khách hàng. Catalog có thể được phát ngay tại cửa hàng cho khách hàng đến xem hoặc mua sản phẩm của công ty hoặc gửi kèm catalog cùng thư chào hàng.

- Tiến hành quảng cáo trên Đài truyền hình Hải Phòng
- Đăng báo An ninh Hải Phòng
- In lịch gửi tới nhân viên công ty và các khách hàng
- Công ty cần sử dụng các hình thức tiếp xúc như: tổ chức hội nghị khách hàng thường xuyên hơn nhằm trao đổi thông tin giữa các khâu phân phối, bán hàng và người tiêu dùng. Tiếp thu những ý kiến của khách hàng về hàng hóa của công ty, về cách thức phân phối, về phương thức thanh toán...để từ đó phát huy những điểm tốt, khắc phục những điểm chưa tốt về sản phẩm, về tiêu thụ mà doanh nghiệp đang gặp phải, để tiến hành công tác tiêu thụ tốt hơn.
- Tích cực tham gia các hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu về hàng hóa của doanh nghiệp, ký kết hợp đồng kinh tế, in ấn các tài liệu giới thiệu sản phẩm với hình thức đẹp, gửi cho khách hàng để chào hàng, cùng với các hình thức quảng cáo khác. Hoàn thiện hơn nữa chính sách giá cả trong tiêu thụ hàng hóa, Việc quy định giá cả sản phẩm là một quyết định rất quan trọng của doanh nghiệp vì nó ảnh hưởng rất lớn đến khối lượng tiêu thụ sản phẩm, làm tác động mạnh mẽ đến doanh thu và lợi nhuận của toán doanh nghiệp.

### **c, Lợi ích của biện pháp**

- củng cố vị thế hiện nay của công ty
- Uy tín của công ty được nâng cao
- Tạo cho khách hàng sự tin tưởng

### **3.2.2.3. Về việc mở rộng kênh phân phối**

Là một công ty có uy tín trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng biến động, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có một số chính sách mới như:

- Mở rộng kênh phân phối như mở thêm đại lý, chi nhánh ở Hải Phòng cũng như các tỉnh, thành phố khác để tìm kiếm bạn hàng mới, khách hàng mới cũng như để quảng bá thương hiệu của công ty.
- Mạng lưới bán hàng cần được phân bổ hợp lý

#### **3.2.2.4. Kiến nghị 4: Về việc thu hồi công nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

##### **a, Cơ sở kiến nghị:**

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Trong khi Công ty cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh vậy mà Công ty lại bị chiếm dụng vốn.

##### **Ảnh hưởng:**

Do bị khách hàng chiếm dụng vốn nên doanh nghiệp không có lượng tiền nhiều để mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ điều này có ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

##### **b, Nội dung của kiến nghị**

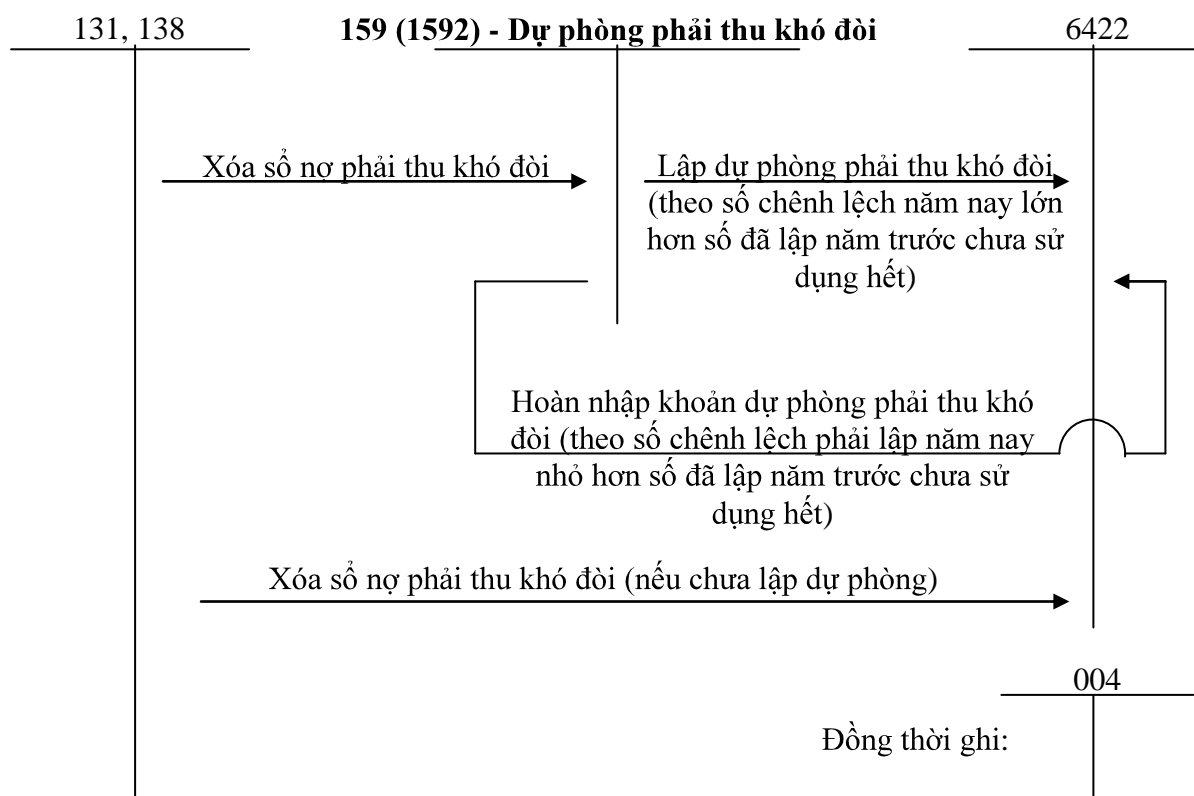
Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTC của năm báo cáo. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản **1592 "Dự phòng phải thu khó đòi"**.

- Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:
  - + Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.
  - + Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ.
- Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:
  - + Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.
  - + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### **Quy trình hạch toán:**



## KẾ TOÁN DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI



### ✚ Phương pháp xác định:

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

### ✚ Mức trích lập: (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<b>Quá hạn thanh toán (t)</b>	<b>Mức trích lập dự phòng</b>
$t < 1 \text{ năm}$	30%
$1 \text{ năm} < t < 2 \text{ năm}$	50%
$2 \text{ năm} < t < 3 \text{ năm}$	70%
$t > 3 \text{ năm}$	100% (coi như khoản nợ không đòi được)

**c, Lợi ích của kiến nghị**

- Kiểm soát được tình hình công nợ
- Giúp công ty đạt hiệu quả cao trong kinh doanh

**Biểu số 3.4:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2010**

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Mã số thuế	Công nợ đến 31/12/2010		Ghi chú
			Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Công ty CP đầu tư Sài Gòn Hoàng Long	0309525958		138.500.000	Khách hàng đặt tiền trước
2	Nguyễn Tiên Đạt, An Đồng, An Dương, HP		5.783.800		Phát sinh ngày 02/11/2009, hạn tt 27/11/2009 - không thu hồi được
3	Công ty TNHH KD phế liệu Hoàng Cường	0200617713	550.200.000		Đang chờ giấy báo có của Ngân hàng
4	Công ty CP cơ khí Đức Xá	0200581866		35.180.000	Khách hàng đặt tiền trước
5	Xí nghiệp 583	0200138742-002		78.980.500	Khách hàng đặt tiền trước
6	Công ty CP động lực Duy Phương	0200621371	59.865.600		Phát sinh ngày 28/02/2010, quá hạn thanh toán 08 tháng
7	Công ty TNHH An Hiệp Phát	0200844723	58.750.000		Đang chờ giấy báo có của Ngân hàng
8	Công ty CP TM Cường Phúc	0200738556		250.950.883	Khách hàng đặt tiền trước
9	Công ty CP CNTT và TM Hùng Vương	0200557327	238.700.950		Phát sinh năm 2009 (tháng 3: 349.900.950, tháng 4: 265.700.000, tháng 5: đang làm thủ tục chuyển nhượng đất trị giá 376.900.000 ), số còn lại không có khả năng thanh toán
10	Khách lẻ			10.000.000	Khách hàng đặt tiền trước
<b>Tổng cộng</b>			<b>913.300.350</b>	<b>434.630.883</b>	

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

**Biểu số 3.5:****Công Ty TNHH TM Vũ Long****168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng****BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ DÒI  
Năm 2010**

<b>STT</b>	<b>TÊN KHÁCH HÀNG</b>	<b>Số tiền nợ</b>	<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích</b>	<b>Số tiền trích</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Tiến Đạt, An Đồng, An Duong, HP	5.783.800	–	–	–	Không thể thu hồi được
2	Công ty TNHH KD phế liệu Hoàng Cường	550.200.000	–	–	–	Đang chờ giấy báo có của NH
3	Công ty CP động lực Duy Phương	59.865.600	8 tháng	30%	17.959.680	
4	Công ty TNHH An Hiệp Phát	58.750.000	–	–	–	Đang chờ giấy báo có của NH
5	Công ty CP CNTT và TM Hùng Vương	238.700.950	>1năm	–	–	Không thu hồi được_mất khả năng thanh toán
<b>Tổng cộng</b>		<b>913.300.350</b>	x	x	<b>17.959.680</b>	

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Vũ Long\_Năm 2010*

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng trong năm 2010 đối với khoản nợ sau:

- Khoản nợ 59.865.600 của Công ty CP động lực Duy Phương, Km2 đường Phạm Văn Đồng, theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/02/2010 có hạn thanh toán là 30/04/2010, đã quá hạn thanh toán 08 tháng.

*Đồng thời công ty phải tiến hành xóa sổ 2 khoản nợ sau:*

- Khoản nợ còn lại của công ty CP CNTT và TM Hùng Vương là 238.700.950 được xác định là không có khả năng thu hồi do công ty này đang trong tình trạng mất khả năng thanh toán.
- Khoản nợ 5.783.800 của khách hàng tên Nguyễn Tiến Đạt, An Đồng, An Dương, thành phố Hải Phòng (Khách hàng quen của công ty) phát sinh ngày 02/11/2009 được xác định là không thể thu hồi do khách hàng đã vào miền nam định cư, không liên lạc được.

Tuy nhiên công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ. Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính khi trong tương lai doanh nghiệp không thu hồi được nợ.

### **Ví dụ:**

Giả sử ngày 31/12/2010, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên báo cáo tình hình công nợ (trang 101) như sau:

- Tính số dự phòng phải thu khó đòi năm 2010:

Số dự phòng phải thu khó đòi =  $59.865.600 \times 30\% = 17.959.680$  (đồng)

Kế toán vào phân hệ **Tổng hợp/Phiếu kế toán/Thêm** hoặc ấn **PKT** trên màn hình để lập phiếu kế toán.

## Màn hình lập phiếu kế toán như sau:

**Phiếu kế toán**

Mã C.từ: PKT  
Số C.từ: PKT0007/10  
Ngày: 31/12/2010  
Diễn giải: trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm  
Mã vụ việc:

Mã TK	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Diễn giải	Mã tiền tệ	Tỷ giá HT	Số tiền Nợ	Số tiền Có	Mã b
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp			trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010	VND	1	17 959 680		
1592	Dự phòng phải thu khó đòi			trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010	VND	1		17 959 680	

Σ Nợ: 17 959 680  
Σ Có: 17 959 680

Người sử dụng: Administrator | F5 Thêm | F6 Sửa | F7 Xóa dòng | F8 Xóa | F9 Lưu | F10 Tìm kiếm | F11 In ấn | F12 Báo cáo | Tổng số 896 C.từ - Năm 2011: 2 C.từ

Công Ty TNHH TM Vũ Long  
168 Lê Lai - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải phòng  
Tel: 0313.523396 - Fax: 0313.523396  
E-mail: myphuong\_vnhp@yahoo.com

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TT	Mã TK	Tên TK	Diễn giải	PS Nợ	PS Có
1	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010	17.959.680	
2	1592	Dự phòng phải thu khó đòi	Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010		17.959.680
<b>Tổng cộng</b>				<b>17.959.680</b>	<b>17.959.680</b>

Bằng chữ: Mười bảy triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Người lập biểu

Đối với 2 khoản khách hàng còn nợ được xác định là không thể thu hồi, cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

- Tổng nợ phải thu không thể thu hồi năm 2010 = 238.700.950 + 5.783.800  
= 244.484.750 (đồng)

**Kế toán định khoản như sau:**

Nợ TK 6422: 244.484.750

Có TK 131: 244.484.750

Nợ TK 004: 244.484.750

Kế toán vào phân hệ **Tổng hợp/ Phiếu kế toán/ Thêm** để lập **Phiếu kế toán**.

Sau đó vào phân hệ **Báo cáo/ Nhật ký chung** để xem các sổ sách liên quan.

### **3.2.2.5. Kiến nghị 5: Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, kế toán công ty nên lập báo cáo tài chính và hoạt động kinh doanh theo từng mặt hàng theo tháng hoặc quý giúp ban lãnh đạo nắm rõ về tỷ suất lợi nhuận của từng mặt hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

### **3.2.2.6. Kiến nghị 6: Về Hạch toán chi phí**

Trong năm 2010, công ty TNHH TM Vũ Long phát sinh các khoản phí kiểm đếm tiền tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Techcombank, kế toán công ty hạch toán phí kiểm đếm tiền vào tài khoản 635.

#### **Ví dụ:**

Ngày 26/08/2010 thanh toán phí kiểm đếm tiền tại Ngân hàng Techcombank bằng tiền mặt 16.500 đồng (trang 65):

**Kế toán định khoản như sau:**

Nợ TK 635: 16.500

Có TK 1121: 16.500

Công ty nên hạch toán khoản phí kiểm đếm tiền vào tài khoản **642 - "Chi phí quản lý kinh doanh"** theo đúng quy định.

**Kế toán nên tiến hành định khoản như sau:**

Nợ TK 642: 16.500

Có TK 1121: 16.500

Lợi nhuận là mục tiêu chủ yếu của các hoạt động kinh doanh của các nhà kinh doanh và là mục tiêu quan trọng nhất của chiến lược doanh nghiệp. Chỉ trên cơ sở tạo ra được lợi nhuận thì doanh nghiệp mới có thể tái sản xuất mở rộng, mua sắm trang thiết bị mới, đưa công nghệ tiên tiến vào sản xuất, áp dụng những thành quả khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, tăng lương cho người lao động, thu hút thêm lao động vào sản xuất... Lợi nhuận đánh giá kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp và được xã hội thừa nhận. Ngoài nhu cầu tồn tại, công ty TNHH TM Vũ Long rất quan tâm đến mục tiêu tăng cường lợi nhuận để có điều kiện đầu tư phát triển lớn mạnh hơn nữa. Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động bán hàng, doanh nghiệp cần linh hoạt trong việc sử dụng các biện pháp nêu trên chắc chắn sẽ mang lại kết quả tốt.



## KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính... Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng, nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp.

Xuất phát từ thực tế tại công ty TNHH TM Vũ Long, tôi nhận thấy việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ là một việc làm hết sức cần thiết và quan trọng.

Những kết quả đạt được mà đề tài nghiên cứu mang lại:

Về mặt lý thuyết: đề tài đã bổ sung một số lý luận liên quan đến chế độ kế toán mới, trên cơ sở những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Về mặt thực tế: đã mô tả khá chi tiết về thực trạng công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH thương mại Vũ Long năm 2010 theo hình thức Nhật ký chung thông qua phần mềm kế toán META DATA.

Trên cơ sở những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đề tài đã đi sâu tìm hiểu nghiên cứu tình hình thực tế về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH thương mại Vũ Long để thấy rõ những mặt đã đạt được và những vấn đề tồn tại, từ đó đề ra một số biện pháp trong việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại công ty TNHH TM Vũ Long như: áp dụng các chính sách ưu đãi khuyến khích người mua hàng để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, mở rộng mạng lưới tiêu thụ; tăng cường công tác quảng cáo, xúc tiến bán hàng nhằm củng cố vị thế và nâng cao uy tín của

mình trên thương trường, đồng thời xây dựng và giữ gìn được mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống đảm bảo cho sự phát triển của công ty; về việc mở rộng kênh phân phối và mở rộng mạng lưới bán hàng của công ty; về kế toán xác định kết quả kinh doanh...

Những kiến nghị này tuy còn mang tính chất lý thuyết song mỗi kiến nghị đều dựa trên cơ sở và xuất phát từ thực tế nên cũng mang tính khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé vào công tác hạch toán kế toán nói chung và mạng lưới tiêu thụ nói riêng hiện nay ở công ty TNHH thương mại Vũ Long. Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty TNHH TM Vũ Long là một đơn vị rất nhạy bén trong công tác quản lý, phát huy những ưu điểm vốn có, công ty đã và đang tìm ra cho mình những bước đi mới và có những khởi sắc đáng mừng. Những thành quả công ty đã đạt được chỉ là bước khởi đầu, với sự nỗ lực không ngừng, trong tương lai công ty sẽ tiến xa hơn.

Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Vì thế, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ không chỉ là vấn đề quan tâm của riêng công ty TNHH TM Vũ Long mà còn là vấn đề quan tâm của tất cả các doanh nghiệp khác và của cả nền kinh tế quốc dân hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính\_Nhà xuất bản Thống kê năm 2009
2. Chuẩn mực kế toán số 14\_Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
3. Giáo trình tài chính doanh nghiệp\_chủ biên PGS.TS Lưu Thị Hương\_Nhà xuất bản Thống kê năm 2005
4. Kế toán tài chính\_chủ biên PGS.TS. Võ Văn Nhị\_Nhà xuất bản Tài chính năm 2007
5. Kế toán quản trị (sách chuyên khảo)\_chủ biên TS. Nguyễn Tuấn Duy và TS. Nguyễn Phú Giang\_Nhà xuất bản Tài chính năm 2008
6. Mạng internet\_Website: webketoan.vn
7. Nguyên lý kế toán\_chủ biên TS. Trần Quý Liên, TS. Trần Văn Thuận và TS. Phạm Thành Long, nhà xuất bản Tài chính năm 2009
8. Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty TNHH thương mại Vũ Long
9. Thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 7/12/2009